

Truyện ngắn Nguyễn bá Học

Vnthuquan.net, 2009.



À! Chuyện Chiêm Bao

Hàn Bán Thiên là một anh chàng nho, cừu học không thành danh, tân học cũng lỡ bước; lại có tính hay mơ tưởng những sự cao xa, không còn nghĩ đến tư cách, địa vị, thời thế mình là thế nào nữa. Có khi anh ta tưởng mình sẽ nên một nhà đại triết học, sẽ đem những học thuyết Âu Tây mà phá cho hết cái cừu học, cái mê tín của người mình. Có khi anh ta tưởng mình sẽ nên một nhà đại văn hào, sẽ đem luận thuyết, diễn thuyết, kịch bản, thi ca mà cổ xúy quốc dân cho mau mau lên đường tiến bộ. Có khi anh ta tưởng mình sẽ nên một nhà đại kinh tế, sẽ lấy khoa học Âu Mỹ mà cải lương kỹ nghệ, mở rộng lợi quyền cho nước mình sẽ nên một xứ giàu thịnh. Có khi anh ta lại tưởng mình sẽ nên một nhà đại chính trị, khi chính quyền đã về đến tay mình sẽ dùng những phép nội trị ngoại giao của các nước văn minh bên Âu Mỹ, duy tân nước nhà mình lại. Mỗi khi mơ tưởng đến đây thì anh ta đặc ý biết là đường nào. Bấy giờ trông người

nào, vật nào cũng có cái cảnh tượng cổ vũ âu ca, hi hi, hiệu hiệu¹.

Người vợ anh ta ở nhà quê làm ruộng đã phải mấy năm mất mùa; ra ở tỉnh buôn bán cũng bị thất bại.

Nghề nghiệp gì cũng không có, tình cảnh tiêu điều mà anh ta cứ ngông ngông nghênh nghênh, cả năm

không biết nghĩ gì đến cả. Một hôm người vợ bảo anh chồng:

- Người ta khổ một điều là không biết mình. Anh không xem việc sinh nhai của mình ngày nay gian nan

biết nhường nào, cái mệnh vận tương lai của nhà mình chưa biết ngày mai có được như ngày nay không.

Thế mà anh cứ mơ mơ màng màng, tơ tưởng những cảnh thiên đường cực lạc, có khi nước sôi lửa nóng

ở đâu sau lưng mà không biết. Thôi này, nhà đã ba tháng nay chưa có tiền thuê, chủ nhà cho đòi đã

nhiều lần, tháng này người ta sẽ đem đồ mình ra đường. Bấy giờ tôi xem anh đứng vào đâu mà nói chuyện văn minh nữa?

1. Hi hi: tiếng tượng thanh, tròng cười; hiệu hiệu hay hạo hạo: sự tự đắc.

Hàn Bán Thiên cứ thủng thỉnh mà nói:

- Hôm nay đã là ngày mấy tháng mấy? Thấm thoát mà đến ngày mở sổ Hồng thập tự đây. May ra ta

trúng số thứ nhất sẽ có bốn vạn đồng bạc, chứ việc gì mà sợ. Ấy mới sướng!

Bấy giờ ta sẽ làm một nhà

đại phú hào vậy.

Người vợ không nói gì nữa, cứ ngồi ghé một bên cái bàn, dưới bóng đèn mà vá cái áo rách. Hàn Bán

Thiên cũng tựa án thiu thiu, ngủ đi lúc nào không biết.

Chợt nghe ngoài cửa có tiếng người lát sát¹:

- Mừng ông đã phát tài. Ông đã trúng Hồng thập tự số thứ nhất. Chúng tôi báo

tin cho ông.

Anh ta còn đương ngỡ, chưa biết thực hư, liền thấy mấy người nhà ngân hàng xe bạc đến, xếp vào đầy nhà, trông trắng xoá đều là thứ bạc mới đúc. Người nhà ngân hàng giao cho anh ta nhận đủ bốn vạn đồng bạc, rồi cất mũ lui ra. Anh ta theo ra mà đóng cửa. Bảy giờ đêm đã khuya, không nghe gà kêu chó cắn, anh sợ hàng xóm có người dòm hành², liền gài hết các chốt cửa lại và lấy ván mà chặn. Mình cứ đi đi lại lại chung quanh đồng bạc. Mừng rỡ dị thường, chân nhảy tay múa như người phát điên phát dại.

Anh ta lại nghĩ: nay mình đã có một cái tài sản to tát như thế này, cũng phải tiêu dụng như thế nào cho hợp với phương pháp văn minh của những nhà lý tài bên Âu Mỹ. Nghĩ rồi liền lấy giấy bút mà làm một cái "dự toán biểu", liền phục xuống bàn mà viết:

1. Như léo xéo.
2. Dòm dò.

Bốn vạn đồng bạc chia làm ba lô: lô thứ nhất một vạn để làm của công ích; lô thứ hai hai vạn để làm của cơ nghiệp; lô thứ ba một vạn để làm của dưỡng lão. Trong ba lô ấy có chín khoản như sau:

- 1 - Cúng vào các hội thiện 3.000\$
- Công ích 2 - Lập trường nghĩa thực 4.000\$
- 3 - Mua phiếu quốc trái 3.000\$
- 4 - Tậu ruộng vườn ao 5.000\$
- Cơ nghiệp 5 - Làm nhà ở 5.000\$
- 6 - Vào hội thương 10.000\$
- 7 - Lập trại biệt thự 3.000\$

Dưỡng lão 8 - Sắm đồ trang sức 3.000\$

9 - Mua hầu non 4.000\$

Cộng 40.000\$

Anh ta vừa viết đến khoản thứ chín, người vợ đứng ngay lên, trừng con mắt mà trông anh ta. Anh ta vội

vàng cầm lấy tay vợ vừa cười vừa nói:

- Mình ơi, mình chớ có nghi ta, chớ nên ghen gổ, dù ta có lấy năm hầu bảy thiếp, thì cái ái tình ta với

mình cũng không có giảm đi chút nào. Chẳng qua cũng để là đồ "xa xỉ phẩm". Vì ta vẫn chủ trương cái

nghĩa nhất phu nhất phụ; Việc gì mà mình lo.

Người vợ giận lắm nói rằng:

- Có khi anh này hóa điên hay là mê ngủ. Hai vợ chồng bơi chải cả ngày còn lo chưa đủ được một ngày

hai bữa, lại còn có con nhà vô phúc nào, bạc mệnh nào còn vào đây ngồi khóc với mình nữa hay sao?

Thôi! Hãy đưa cái áo ngoài của anh đây cho tôi, để đi gửi lấy mấy đấu gạo mà thổi bữa cơm sáng.

1. Gây gổ vì ghen.

Anh ta nghe người vợ nói sực tỉnh, thấy mình vẫn ngồi tựa vào cái bàn. Đồng bạc trắng xóa lúc này đã đi

đâu mất cả. à, chuyện chiêm bao.

Hàn Bán Thiên tỉnh dậy rồi, người vợ cười mà nói:

- Cái chiêm bao tốt lành của anh cũng có giá trị đấy, có thể dùng làm tư liệu một bài "đoán thiên", sao

chẳng chép mà bán cho mấy nhà biên tập sổ tạp chí, kiếm năm ba đồng bạc mà tiêu xài?

Anh chồng cũng nhếch mép mà cười, gật đầu nói rằng: "Phải".

Tạp chí Nam Phong,
số 49, Tháng 7-1921

Nguyễn bá Học

Câu chuyện gia tình

Ngán thay! Cái thị dục loài người càng lớn, thì sự đua tranh trong xã hội càng
gớm ghê: đường sinh nhai càng khó
khăn thì cảnh đoàn viên trong gia đình càng tiêu tấp. Tưởng những nhà cha mẹ,
anh em, vợ chồng, con cháu sum họp
một nhà, chia bùi xẻ ngọt, đã có phúc là nhường nào; lại ái ngại thay cho những
nhà cốt nhục như sâm thương, gia
đình như băng thán². Kìa những kẻ gieo bút tòng quân, theo thầy học nghề,
hoặc lên rừng lách núi mà kiếm ăn, hoặc
vượt bể ra ngoài mà buôn bán, phép nước nặng hơn tình nhà, công danh thiết
hơn ân ái, đã đành thế bách hình khu³,
nên phải chia tình cắt ái; lại còn những kẻ thiếu niên khách khí, ham ăn ham
chơi, quá nổi nên mê, ưa mới nới cũ, đã
làm tổn phí bao nhiêu là nước mắt khóc thầm của vợ con, tấm lòng ân hận của
cha mẹ, nỗi hờn giận của anh em, tình
yếm bạc của thầy bạn, mà cái hạnh phúc sum họp trong gia đình đã nên một vật
rất hiếm hoi đang buổi văn minh còn
non nớt!

-
1. Sao hôm và sao mai. Nghĩa bóng: cách chia, không bao giờ gặp mặt.
 2. Băng lạnh và than hồng. Nghĩa bóng: sự mâu thuẫn, đối lập.

3. Tình thế bức bách, hình hài xua đuổi

Hãy nghe câu chuyện gia tình của một bà già này, dù cảnh ngộ không lấy gì làm ly kỳ, mà tình trạng thực đủ làm

chứng cái khốn nạn chung trong xã hội.

Một ngày mùa đông, buổi sáng mới hửng mặt trời, ngọn cỏ còn đầm đầm giọt sương, đường đi nhem nhếp¹ trơn như

mỡ; có một bà già tay cấp mệt hoa, vừa đi vừa lẩm bẩm:

- Trời chẳng thương ai, cứ mưa gió mãi. Hoa tươi rụng cả, còn hoa tàn bán cho ai, lấy gì mà mua quà cho cháu.

Trông bà già có nét mặt tinh anh và nghiêm nghị không phải là người quê mùa.

Tôi đến mà hỏi:

- Bà bao nhiêu tuổi? Con cháu ở đâu mà bà còn phải lẩm cẩm như thế?

Bà già trông lên mà nói rằng:

- Già đã gần bảy mươi tuổi. Con già đi vắng cả, già phải ở nhà giữ cháu. Độ này trời mưa mãi, ngồi lâu càng buồn, hôm nay hửng trời, kiếm mớ hoa đi bán. Thầy mua cho già thì may lắm.

Tôi nói:

- Bà bán cả mớ hoa này cho tôi. Sớm ngày trời còn lạnh bà vào đây mà ngồi cho ấm, người già cả không nên phạm sương tuyết.

1. Như lép nhép, nhem nhếp.

Nói rồi, tôi dắt bà già vào ngồi bên lò sưởi. Tôi cũng ngồi một bên mà hỏi chuyện:

- Tôi thấy bà lại nhớ đến mẹ tôi thuở xưa, mẹ tôi nuôi tôi vất vả cũng như bà, bây giờ tôi không còn có mẹ nữa. Con

bà làm nghề gì? Nhân sao mà đi vắng?

Bà già đang ngồi, xoa hai bàn tay trên bếp lửa, sa sầm nét mặt mà nói:

- Già là một người rất không may ở đời này. Già ở hóa¹ đã ba mươi năm nay,

nhà nghèo, chỉ bới đất nhặt cỏ, nuôi hai con đi học. Ngày quên ăn, đêm quên ngủ, trông thấy con là ngọc giải phiền, không nỡ một lúc nào mà mẹ con xa vắng nhau. Con lớn đi học chữ nho đã đậu tú tài, con nhỏ đi học chữ Tây cũng đã đi làm việc thương chánh. Thầy nghĩ già đã tốn bao nhiêu là mồ hôi nước mắt; ai chẳng bảo trồng cây đến ngày ăn quả, thế mà già có con cũng như không.

Nói đến đây, bà già lắc đầu ba bốn lượt, rồi cứ đăm đăm trông xuống cái mẹt hoa.

Tôi đứng dậy rót cho bà già một chén nước mà nói rằng:

- Tôi tưởng cái buồn trong trí khôn bà đã nặng nề lắm, bà hãy nói rõ chuyện cho tôi nghe, hoặ tôi có thể giải đỡ cho bà chút nào chẳng.

Bà già nói:

- Già gặp thầy là buổi mới, có đâu dài chuyện cho rườm cỡ tai.

Tôi nói:

- Tôi cũng muốn nghe. Bà cứ nói.

Bà già uống cạn chén nước, rồi nói rằng:

- Con lớn già đã có khoa danh mà chưa làm nên sự nghiệp, cứ giữ tiếng cười cho danh giá, không dám cày ruộng cũng không dám đi buôn, con còn nhỏ, mẹ thì già, nhà thanh bạch tám chín miệng ăn chỉ trông vào mười ngón tay người vợ. Mấy năm trước còn dạy mười lăm đứa học trò; từ khi bãi thi¹, người trong làng không ai cho con đến học nữa. Nước đến chân bây giờ mới nhảy, song ngoại nghề làm thầy dạy học, cũng không biết lấy gì làm sinh nhai. Năm nay có người đón đi ngồi bảo trẻ² làng xa, còn thầy mang theo một tay nải đầy những sách cũ; không biết còn đem theo cái văn tự vô dụng ấy chực gieo vạ vào đâu nữa.

Tôi nói:

- Sao bà nói thế, văn tự nào là văn tự vô dụng? Người ta đi học cho biết đạo làm người, chứ không đi học để mà kiếm

ăn. May gặp được thì hiển thân dương danh, chẳng may ở nhà, cũng để giữ gìn phong hóa. Nếu cứ biết kiếm ăn mới

gọi là đi học, có khi những người lắm tiền nhiều bạc, đều là đại thánh, đại hiền.

Bà già cứ tùm tùm mà nói rằng:

- Già là đàn bà không dám nói đạo thánh, chỉ biết làm người ai cũng phải có bốn phận: làm con phải đền ơn cha mẹ,

làm chồng phải giúp vợ, làm cha phải nuôi con, ở đời phải biết tranh cạnh, phải biết biến thông, dù không có tài có

đức để ấm tít cho mọi người, cũng không chịu mang tiếng hư sinh để đả luy đến kẻ khác. Người không như thế học

mấy cũng là người đàn. Như con già ra ngoài không gánh vác gì với xã hội, ở nhà cũng không no ấm cho vợ con. Như

thế, thầy bảo hữu dụng hay vô dụng?

Tôi nói:

- Bà biết nhẽ này, chưa hay nhẽ khác: người ta không ai giống ai; có kẻ làm thợ, có kẻ làm thầy; mỗi người có một

thời, mỗi thời có một việc. Kìa những kẻ đã làm nên công cao nghiệp lớn, lúc nhỡ thời cũng phải phong trần, huống

chi đang lúc thế cô4 đổi thay nào đã biết ai hay, đã biết ai dở. Như thầy tú nhà bà biết giữ đạo ông cha như thế là hiếu,

biết dạy bảo con trẻ thế là nhân, biết yên nghèo giữ phận thế là trí, không tham danh trục lợi thế là hiền; dù không hay

tháo vát, mang tiếng vô tài, song đối với nhân quần cũng không phải là phường mỗi mọt. Thôi, bà ơi! Không nhà ai

được trọn vẹn, có hay mấy cũng có người dở. Bà đã được một thầy làm nên, thì một thầy chịu kém cũng là phải.

1. Bỏ thi chữ Hán, vào năm 1918 (thi Hương) và 1919 (thi Hội).

2. Ngồi dạy trẻ.

3. Che bóng, che chở.

4. Cũng như thời thế

Bà già nghe nói khác nét mặt mà nói rằng:

- Nhà thầy nhạo báng già làm chi; già đã nói: già có con cũng như không, nếu có ai ra gì già đã không phải làm than như tình cảnh nhà thầy đã trông thấy. Việc học hành già không biết ai tấn tới mà ai đoạ lạc; song cái gia đình hạnh phúc đến bây giờ thực đã hỏng cả mọi điều. Một người cứ gàn gàn dở dở, đã đành là người hủ lậu, còn một người cũng ngông ngông nghênh nghênh lại càng khó chịu. Tự khi ra khỏi nhà đến giờ tính nét đổi hẳn ra một người khác. Lúc ở nhà thật là hiếu hữu, bây giờ động nói thì giờ lý giờ luật, ra con người vô tình; khi ở nhà thật là thuần hòa, giờ bày động việc thì cậy thế cậy quyền ra con người táo tợn; khi ở nhà ăn kham ở khổ, đến bây giờ học thói xa xỉ, tưởng thế là văn minh; khi ở nhà nhịn bạn nhường thầy, đến bây giờ cậy trí khoe tài, cho ai cũng là mọi rợ; thực con già để ra, mà già cũng không thể nào ưa được.

Tôi nói:

- Có khi bà chưa xét cho kỹ đó mà thôi. Tính chất người ta hay theo học hành mà biến hóa: như người nhà quê ít học, tính còn chất phác; khi ra tỉnh có học văn hóa ngay ra người văn hoa. Lại gì trước mình hay cầu thả, nay thấy người ta giữ luật theo phép thì tưởng là vô tình; trước mình hay dụ dục¹, nay thấy người ta quả quyết nhanh trãi, thì tưởng là táo bạo; trước mình hay bòn sẻn, nay thấy người ta rộng rãi thì cho là xa hoa; trước mình hay a dua, nay thấy người ta khẳng khái thì cho là kiêu ngạo. Tính đã khác nhau, tự nhiên tình sinh nghi kị, kỳ thực học nào cũng phải lấy luân lý làm trọng, có lẽ nào ra khỏi cửa mà đã mất cái gia đình giáo dục đi.

1. Như do dự, trù trừ.

Bà già nói:

- Thầy nói khí cao quá, chưa phải là những điều con tôi mơ tưởng đến. Chẳng qua mới nghe lý mới học mới, thì tưởng trí thức mình đã cao hơn ông cha, mà sinh ra lòng kiêu ngạo; mới nghe nghĩa bình đẳng thì tưởng dân ngu được địch thế với quân tước, con ở được kháng lễ với chủ nhà, mà trên dưới hỗn hào, không còn có lễ nghĩa gì để giữ lấy phong hóa nữa; mới tập thói tự do thì tưởng của ai cũng có thể chiếm cứ, gái nào cũng có phép chơi chung và hoang dâm tung dục không còn có liêm sỉ gì để nuôi lấy lương tâm nữa. Cũng vì thế mà mẹ con mất ân, vợ chồng mất nghĩa, anh em như mâu thuẫn, thân thích như người dưng, không ai thương ai, không ai mến ai, cảnh tượng trong một nhà nhạt như nước bèo, lạnh như giá tuyết.

Bà già nói đến đây, lấy một tay vịn lên cái ghế, nghiêng đầu mà thở dài. Tôi nói:

- Bà hãy ngồi yên mà nghỉ, chớ nói vội cho khỏi mệt.

Bà già nói:

- Hôm nay ấm trời, già thấy tinh thần cũng khỏe; để già nói nốt câu chuyện gia tình. Thầy là người có văn chương, cũng nên đem vào nhật trình¹ để làm gương cho thiên hạ.

- Bà cứ nói.

- Người con thứ già mới ra làm việc còn chân nằng², vợ cũng không chịu đi theo chồng, cứ xin ở nhà mà nuôi mẹ. Nàng dâu già cũng là con một nhà quý hóa từ thuở còn để cút, vẫn đi học với con già cùng một thầy. Hai đứa con trẻ yêu nhau dị thường, ngày chung sách, tối chung đèn, ai trông thấy cũng phải quở quang là một đôi kim đồng ngọc nữ. Vì thế hai nhà định hôn, đến năm mười ba tuổi thì cưới.

Năm nay hai mươi ba tuổi, đã được hai con; vợ chồng chưa hề có một điều gì sếch méch¹.

Con già làm việc ở tỉnh, cứ ngày nghỉ thì về thăm mẹ không sai lệ thường. Về sau dần dần mới có bè có bạn, những lúc nói cười lả lợt² đã thấy nhiều điều khó nghe; song nể bạn và chiều con, già cũng không nổi chấp

trách. Đến bây giờ xét ra cho kỹ thì cái phong ba trong gia đình, thực đã sinh ra từ đó.

-
1. Báo hàng ngày.
 2. Nói cái cảnh tạm bợ chưa được nhất định
 1. Như xích mích.
 2. Như ngả ngớn.
-

Một hôm đưa con dâu hốt hoảng chạy đến mà nói: nó có của riêng một trăm đồng bạc giấy để trong hòm áo. Nay khóa còn mà bạc mất.

Già nghe nói ngơ ngác: nhà không có người lạ biết nghi cho ai. Trông đưa con dâu mặt càng nhợt, tay càng run, miệng muốn nói mà lại không nói.

Già hỏi: "Có phải con sót rét hay không?" Nó nói không. Già hỏi: "Sao con sợ? Điều gì con cứ nói?" Nó nói: chính nó đã trông thấy chồng nó lên vào buồng, lấy cái chìa khóa riêng trong túi mở hòm mà lấy bạc. Nó sợ quá cứ đứng nép một bên. Chồng nó lên ra khỏi nhà rồi đi mất. Khi nó vào soát lại cái hòm áo thì bao nhiêu đồ nữ trang đã không cánh mà bay đi mất cả. Nói rồi, nó cứ lấy tay bưng mặt mà khóc.

Già nghe nói như trời nghiêng như núi đổ, cứ ngao ngán không biết nghĩ làm sao. Con mình làm gì mà túng túng? Nếu có mắc tai hại gì sao không nói với vợ hay với mẹ? Sao tự mình đã phạm điều thiết đạo¹, toan đồ tội cho ai? Hay đã thua cờ thua bạc, hay đã say trai đắm gái, hay đã nghe ai xui khiến? Thôi, con mình còn ngựa con sáo đá², mình không biết phòng sau giữ trước, thực mình đã xô con mình ngã xuống vực sâu.

Hôm sau già vừa lên đến tỉnh đã thấy người quen mách bảo: "Con bà độ này hay đua theo chúng bạn rượu chè, cờ bạc, nghe đâu dan díu với một người làng chơi đã mấy tháng nay, say mê lắm".

Già tìm đến ngay nhà con già ở. Đến nơi, con ra mừng rỡ và hỏi: "Mẹ ở nhà đến

ngay đây, không vào chơi đâu chứ? ở nhà có sự gì lạ không và mẹ có việc gì hỏi con không?". Già nói: "Để mẹ ngồi nghỉ, sẽ có câu chuyện nói với con". Con nói: "Con không có thì giờ mà chờ mẹ được. Xin phép mẹ cho con đi chừng bốn mươi năm phút sẽ về". Nói rồi ra đi. Già gọi thằng ở mà hỏi. Mới biết tối nào con già cũng đi với một vài người bạn ba bốn giờ sáng mới về và độ này hay sinh ra gât gông.

Một lúc lâu, đưa con về. Già ghé lại sẽ nói: "Con có thật lòng trả lời, để cho mẹ hỏi. Có phải con đã đua theo chúng bạn, cờ bạc đĩ bợm mà quên cả mẹ con và vợ con đi không? Có phải con đã thua lừa mắc lặn, mà phải phạm điều thiết đạo hay không? Có phải con đã liều mình vào đường tội lỗi, để ô nhục đến danh tiếng ông cha con không? Xưa nay mẹ vẫn cho con trẻ dại, mà dung thứ cho con, con có biết không? Nay con đã uống phải thuốc độc mà hóa ra người điên, để làm có lo phiền cho mẹ và mất lòng trông cậy cho vợ, con có cam lòng hay không?".

1. Trộm cắp.

2. Ngựa con háu đá.

Đưa con nghe nói, lúc so vai, lúc bấu miệng, rồi nói rằng: "Những sự mẹ nghe ai nói đều không thật cả, con chưa hề có lấy của ai là của con không có phép được lấy, con chưa làm sự gì can phạm đến tiếng ông cha; mẹ nói những chuyện hồ đồ không lấy gì làm chứng cứ, con không phục".

Già nói: "Vậy mẹ con cũng phải có chứng cứ hay sao? Con đã làm cho mẹ lo con dại, vợ sợ chồng hư, như thế đủ làm chứng cứ. Con phải biết rằng: mẹ chỉ mong cho con nên người chân chính, vợ chỉ mong cho chồng nên người vẻ vang, sao con nỡ đem tình thân yêu mà chia cho kẻ khác; đem của hữu dụng mà lạc phải đường tà. Không thế, thì một trăm

đồng bạc, và những đồ tư trang của vợ con, con đã đem đi đâu mất cả?".

Đứa con nói: "Ai đã nói với mẹ điều ấy?" Già nói: "Ấy vợ con đã nói".

Đứa con nói: "Mẹ có tin lời nói nó không?".

Già nói: "Chẳng những tin mà lại thương tình. Vì dâu mẹ đã hết lòng thương mẹ".

Đứa con nói: "Quân này đã gian lại ngoan. Dám đổ cho mình những điều chẳng chơi, đã cáo gian lại làm cho người ta

mất danh giá. Không có lẽ người mất của thấy kẻ gian mà lại nín lặng; chẳng qua là gái đĩ già mồm, đã hai con còn chưa hết lòng chồng, mặt mũi nào trông thấy nhau nữa".

Già nói: "Thôi con nói thế đã đủ. Trước mẹ còn khuyên cho con biết hối, vì không muốn trong nhà có một đứa con

cần rở như thế. Nay đã trầm mê ám chướng, bệnh quỷ phải có thuốc tiên. Mẹ không cho con xa mẹ một ngày nào, phải xếp dọn mà về nhà lập tức".

Đứa con nói: "Xin mẹ thứ cho con điều ấy. Nay con đã là người làm việc, đi hay ở mình không được tự do, vả cứ tuổi con bây giờ, theo luật cũng có quyền được tự chủ một nửa".

Nghe con trả lời, già cứ há miệng không nói sao được nữa, giận quá, đứng phắt dậy mà về. Ra khỏi nhà vào một nhà

người chị em mà nghỉ. Nghĩ đứa con mình bây giờ đã hóa ra một con thú dữ, song còn mong mê có lúc tỉnh, cứ cho người đến tìm, nhưng nó cũng không đến nữa.

Bấy giờ già ở tỉnh, giận cũng vô ích, oán cũng vô ích, bắt đắc dĩ phải trở về nhà.

Vừa đến nhà thì thấy hai đứa con

dâu, chị em đang ngồi trò chuyện, vừa nói vừa khóc.

Con dâu lớn nói rằng: "Nếu có anh Tú ở nhà, hẳn không để cho mẹ phải âu sầu lo nghĩ, vì đã biết mà giữ em. Chú nó

cũng là người thông minh có chí lớn, chỉ hiềm thiếu niên chưa từng trải, sao cho khỏi mắc kẻ xui dại, song dại rồi mới

có khôn. Đã bước chân vào đường giao thiệp, thế tất phải có chúng có bạn, có

ăn có chơi, kiếm thì ít mà tiêu thì nhiều,
sao cho khỏi mắc công mắc nợ. Vả lại xa nhà vắng bạn, trong những lúc giăng
khuya hoa sớm, sao cũng phải có
người trò chuyện cho giải cái lữ hoài. Thím phải biết rằng cá cả1 không ăn rêu,
thường luồng không ở cạn, người hay
tiêu tiền ấy là những người kiếm ra tiền. Như anh Tú nhà này có một hào buộc
cho thùng thất lạng thì có đời nào mà
kiếm ra một đồng kẽm. Chị em mình là phận đàn bà chỉ biết trên thờ mẹ dưới
nuôi con ở cho trọn đạo; còn nông nổi
chồng dở chồng hay, không đến ngữ mình phải lành chanh lành chối2".
Nghe lời con dâu nói, dù là những lời miễn cưỡng song cũng có lý, làm cho già
tan nước mắt ra tiếng cười. Từ bấy giờ
cũng cứ gượng gạo làm vui, cho con dâu mình nó khỏi tủi. Được ít lâu nghe tin
đứa con phải đau vào nhà thương, rồi
cũng tự xin đổi đi một tỉnh khác.

1. Cá lớn.

2. ý nói: lành chanh xen vào.

Nghe rồi tôi nói:

- Lời nói bà là nhẽ thật, gia tình bà là sự thật; song bà không nên thấy con mình
hư hỏng, mà nghi cả mọi người.

Không nên thấy một nhà mình kém vui, mà nghi cả sự học hành trong nước.

Bà già vội vàng nói rằng:

- Có đâu, có đâu. Già vẫn nghe nói: sự học cũ là nền văn hóa của nước ta, từ
mấy nghìn năm đến giờ, người ta có luân

lý, có cương thường, có chính trị, có lễ thói cũng là bởi đó, còn học mà hư bại là
người. Ai bảo cứ chăm chỉ câu văn

cho khéo, còn tình dân kể nước không nhận là việc học trò. May mà thi đỗ thì ra
làm cha mẹ dân, không đổ xoay về

làm thầy như thầy cúng, thầy dò, thầy bùa, thầy địa, đều là nghề nói dối mà kiếm

ăn, như thế mà cứ chồm chệ lên bậc
thượng lưu, phép nào mà nước không nghèo, dân không dại. Còn học mới là
học về thực nghiệp¹, học cho mở mang
trí thức, học cho rộng đường làm ăn, chính là việc rất cần trong nước ta. Ai bảo
chỉ đua ăn đua chơi gọi là cải lương,
chẳng những làm cho chậm bước văn minh mà lại phụ lòng bảo hộ. Già thấy
tình cảnh trong một nhà mà cũng lo thay
cho hàng xứ.
Nói rồi vừa nghe chuông đánh mười giờ. Bà già vội vàng nhặt lấy tiền hoa, rồi từ
giã mà về.
Tôi đưa bà già ra khỏi nhà cứ yên ỉn năm bảy lần, và trông theo bà già mãi.
Những lời bà già nói đến bây giờ còn
phảng phất trong trí khôn.
Tạp chí Nam Phong,
số 10, tháng 4 - 1918

1. Chỗ này tác giả có thêm một câu "Nhờ có nước Đại Pháp mở đường đất lối",
chứng tỏ ông vẫn trông mong vào vai trò "khai hóa" của Pháp lúc ấy đối với việc
làm cho đất nước
giàu thịnh theo con đường xây dựng chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên xét lại mạch
văn, chúng tôi thấy câu này có vẻ được đưa vào sau khi tác phẩm đã hoàn
chỉnh. Vì vậy, xin
tạm đem xuống chú thích, để bạn đọc nghiên cứu.

Nguyễn bá Học

Câu chuyện nhà sư

Ngày tháng 6 năm 1906, vừa độ các trường nghỉ hè, tôi cũng đi thăm một vị sư ở chùa hàng Bưởi, về hạt Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh. Đến nơi thì bản sư cùng tăng chúng đi đọc hạ¹ bên chùa Thiên Thai, từ mấy hôm trước. Bấy giờ trời đã gần hôm, tôi phải nghỉ lại đó. Một mình ngồi trong phòng khách trông sang hiên tây, vắng ngắt không có người đi lại. Bóng chiều phản chiếu, lá cây lẫn với rêu sân một màu nhàn nhạt, trong cảnh thanh tịch hiện ra một cái vẻ thê lương, khiến cho lòng kẻ khách du ngao ngán nỗi mây ngàn hạc nội. Trong một cái phòng sâu và tối, nghe có tiếng người ho khẽ khắc². Hỏi ra mới biết là một vị hành tăng³ tạm trụ cảnh chùa để xem kinh và dưỡng bệnh. Tôi liền tới nơi, có ý cùng sư nói mấy câu chuyện nhà chùa cho khuây cơn sầu tịch.

Bước vào, vừa thấy một người chừng năm mươi tuổi, mặt xanh mình gầy, ngồi tựa lưng vào cột, nét mặt đăm đăm, trông ra cửa sổ, thỉnh thoảng thở dài một cái, như đem bao nhiêu cái uất cái náo đã chất chứa trong óc nhờ hơi thở để tiết ra bên ngoài. Tôi sẽ lên tiếng mà chào:

- A di đà Phật! Tôi là người có quyền thuộc với sư bản tự⁴ đến chào người.

.1. Mỗi năm, sư tăng phải tập trung học tập kinh sách một thời gian, vào mùa hạ,

nên gọi là "kết hạ", "đọc hạ".

2. Như khúc khắc.

3. Vị sự đi vân du nơi này nơi khác.

4. Chùa sở tại.

Người kia nhìn tôi lúc lâu, rồi nói một tiếng nặng nề rằng:

- Thầy hãy đứng xa tôi ra. Tôi là một người có tội: tôi là người sắp xuống địa ngục. Thầy hỏi tôi làm gì?

Tôi nghe nói phát lạnh cả người, như mình đứng bên ma quỷ. Tôi nói:

- Tội nghiệp thay, người ở cảnh nào? Người có bệnh gì? Sao người không vào nhà thương mà uống thuốc?

Người kia nói:

- Tôi không có nơi thương trụ. Bệnh tôi đã lâu, không có thể chữa khỏi, mà cũng không ai có thể chữa khỏi; chẳng bao lâu mà tôi sẽ ra người dưới cửa trùng địa ngục. Thôi, thầy về phòng khách mà nghỉ.

Nói rồi cứ đăm đăm trông ra cửa sổ.

Tôi lui về phòng khách, cứ một mình mình nghĩ: người này hẳn có oan nghiệt gì đây, cho nên cái lương tâm nó cứ dỗi theo mà cắn giắt¹, ấy là một sự hình phạt rất nặng. Than ôi sinh, lão, bệnh, tử là bốn nghiệp của loài người, đã có thân phải có nghiệp. Kia người đã xả thân diệt tục còn phải mang lấy nghiệp vào mình, huống chi người túng dục tứ tình², biết bao giờ cho ra khỏi bến mê bể khổ.

Đương ngồi đương nghĩ thấy thoáng có bóng người vào cửa, như có hơi gió lạnh thổi lọt vào mình, sờn cả gai ốc.

Trông ra thì là người bên tây hiên, bước vào kéo ghế mà ngồi. Tôi cũng vội vàng đứng lên mà chào hỏi. Người kia liền nói:

- Hẳn thầy đang nghĩ ngợi về việc tôi. Nếu tôi không nói chuyện cho thầy nghe, để cái nghi đoan³ bận trí khôn cho

thầy cũng không phải. Vả lại, chẳng bao lâu mà tôi sẽ bỏ cái thế giới này, cũng nên đem chuyện mình để làm gương cho thiên hạ. Tôi xem thầy cũng là người văn sĩ, cũng nên ký lấy những nỗi khát khe ở đời, điều hay để mà khuyên, điều dở để mà răn, cũng không phải là sự vô ích.

.1. Cấn rút.

2. Buông thả tình dục.

3. Mỗi ngày.

Tôi nói:

- Người ta ai cũng có điều hay điều dở, hễ biết dở ấy là người hay. Cho nên đạo Thích ca cho chúng sinh sám hối, đạo Thiên chúa cho con chiên rửa tội. Nếu người đã sẵn lòng nói thật, tự mình không phụ với lương tâm, trời Phật nào chẳng chứng minh cho lòng người ngay thật.

Người kia ngồi đối diện với tôi mà nói:

- Tôi họ Trần, hiệu là Nguyễn Khuê, người Hà Đông. Cha mẹ mất sớm ở với chị, cũng cho ăn đi học. Năm 15 tuổi chị chết, anh rể lấy vợ khác, thế không ở được, phải bỏ mà đi. May gặp một bà họ Lý, ở một làng bên, thấy con nhà khốn khó, đem về mà nuôi. Bà không có con trai, chỉ nuôi một người cháu gái tên là Lý cô. Bà thấy tôi đã lớn, cho lên tỉnh vào trường Pháp Việt mà học.

Nghĩ tôi có khác gì chiếc lá lìa rừng, con chim lạc tổ; sao cho khỏi sa ngã chìm đắm đã là khá, còn mong gì sự học hành, dù có thiên tư thông tuệ thế nào, cũng phải đoạ lạc ra con nhà thất giáo². Nay thân trầm luân đã được nhờ tay tế độ, được ấm no, có giáo dục tưởng cái ân cái nghĩa ấy, biết lấy gì mà trả cho phu³.

- .1. Trường.
2. Như thất học.
3. Có lẽ là phủ hoặc phù: vừa, đủ.

Một hôm nhân ngày nghỉ học, tôi về thăm Lý bà. Bà lấy mẹ con mà xưng hô, tình âu yếm, cách ôn tồn, đã cảm động lòng tôi cho đến rơm rớm hai hàng nước mắt. Tôi nói: "Tôi là một đứa con nhà bạc đức, đã không cha không mẹ lại không anh không em. Trời đất sinh tôi ra có ý đầy đoạ vào một đời khốn cùng khổ nhục, dù bà có lòng từ thiện thế nào, không tô điểm đất bùn cho nên tượng được". Lý bà nói: "Già hiếm hoi, thêm chút con hiền cháu thảo, thấy con cũng là con nhà lương thiện, coi người dĩnh ngộ, có vẻ thông minh, để già sớm khuya bầu bạn và tin cậy về sau. Con ôi, đường sinh phúc con còn dài, việc gì mà lỗi chí¹. Từ nay mẹ khuyên con phải phấn phát tinh thần, học hành tấn tới cho bằng người, cho khỏi phụ lòng mẹ đã thương con ngày nay". Nói rồi Lý bà gọi Lý cô đến mà bảo: "Nay Trần sinh đã là người trong một nhà, cháu phải lấy đạo anh em mà xử, không có điều gì phải hiềm nghi, phải giúp anh mà những việc mà mà có thể làm được". Lý cô nghe nói, sẽ ngoảnh lại mà chào tôi, rồi cứ cúi đầu mà đứng. Tôi vô ý cứ chú mắt mà nhìn, làm cho Lý cô thẹn đỏ cả tai cả cổ. Lý bà biết ý gọi Lý cô ra ngoài nói sang chuyện khác. Tôi cũng ngơ ngẩn hồi lâu, rồi xin trở về trường học.

Tự bấy giờ Lý cô thường đem tiền gạo cho tôi ở nhà trọ, vá may giặt giũ đều là việc Lý cô. Lần kia tôi phải đau ở nhà trọ, một tay Lý cô thuốc thang cơm nước; thực là một người có nữ công, có đức hạnh; con nhà khuê tú chưa dễ đã có mấy người. Vả từ thuở nhỏ đã quen ăn cần ở kiệm, không nhiễm một chút gì là thói đàng tính kiêu.

Một bữa, Lý cô bưng thuốc đến, tôi lấy lời cảm tạ mà bảo Lý cô rằng: "Lý cô đã khó nhọc với tôi là biết đường nào!
Tôi là con nhà bạc đức, sống thác có kẻ chi mà cái ân cho toàn, nghĩa trân trọng của Lý cô tôi biết lấy gì mà đền bù cho xứng đáng?" Lý cô nói: "Việc giúp đỡ anh em cũng là việc trong nhà, có gì mà kể ân kể nghĩa". Tôi nói: "Tôi thương Lý cô hết lòng, không biết Lý cô có thương tôi như thế không?" Lý cô nói: "Anh em thương nhau là lẽ tự nhiên". Tôi nói: "Tuy nhiên, chẳng những tôi thương Lý cô vì tình anh em, và thương Lý cô vì tình...:". Nói đến đây tôi ngừng lại. Lý cô lại hỏi: "Còn vì tình gì?" Tôi nói: "Vì tình ân ái". Lý cô nhìn tôi một cách nghiêm nghị mà nói: "Tôi không hiểu lời anh nói. Thôi anh uống thuốc đi kéo nguội, tôi cũng phải về kéo cô mong".

.1. Bại chí.

Nói rồi thảo thảo¹ ra về, đến cửa còn trông lại.
Bấy giờ tinh thần tôi chuyên chú vào mình Lý cô. Lý cô mới mười sáu tuổi, kém tôi hai tuổi. Như trăng còn non, như hoa còn nụ, chưa có thể lấy tình động, lấy ý dụ. Vả Lý bà đã hứa nhận mình là con nuôi, hẳn không có ý cho mình là cháu rể. Nếu nghe Lý cô kể lại những lời thô bỉ của mình vừa rồi, có khi bao nhiêu lòng âu yếm xưa nay sẽ đổi ra tình yếm bạc². Tôi cứ nghĩ quanh nghĩ quẩn, nửa thẹn nửa buồn. Sau thấy Lý cô vẫn đi lại như thường, mới yên lòng dần dần. Từ đó không còn dám giở thói khinh bạc ra nữa. ấy là sự giao thiệp lần thứ nhất của tôi với người họ Lý; mà chính là điều ân sâu tình nặng đã in sâu vào óc đã nhuộm vào lòng, không bao giờ tôi quên đi cho được.
Năm 20 tuổi, tôi thi đỗ thông ngôn³, 21 tuổi bổ lên thượng du. Vừa được bảy

tháng thủy thổ bất phục⁴, phải cáo mà về. Lần ấy Lý cô lại vất vả nuôi tôi hơn là lần trước. Một tối tôi đang bắn khoăn đắn đo vì mối tình riêng, Lý bà liền lại mà hỏi rằng: "Nay bệnh con đã thanh thả, sao còn trần trọc canh khuya! Nay con đã đến ngày khôn lớn, mà mẹ cũng một tuổi một già, mong cho con trẻ sớm thành gia thất, để già được yên lòng. Nay Lý cô là con nhà có nề, có thể giúp cho con trong việc tảo tần, thực đã hoa vừa thắm cánh, trăng vừa tròn gương; để đợi ngày lành tháng tốt, mẹ hãy định liệu cho chúng con thành duyên phu phụ". Tôi nghe nói như thừa ngọc sắc⁵ tự chín tầng mây trời chuyền xuống, mừng mừng tủi tủi, không biết lấy gì mà hình dung. Chẳng bao lâu nguyện xưa đã vẹn, duyên mới càng nồng, thực là cái hạnh phúc mà sinh bình tôi mới được hưởng là lần thứ nhất. Bây giờ Lý bà đã nên vật hóa¹, Lý cô cũng còn phải trầm oan. Trời ơi! Biết bao giờ...

- .1. Tất tả, qua loa.
2. Khinh rẻ.
3. Phiên dịch
4. Không hợp thủy thổ.
5. Nhận được sắc chỉ quý báu.

Đến đây tiếng thổn thức làm cho dứt câu nói, cứ gục đầu xuống cánh tay mà khóc, nước mắt ròng ròng, không ngừng đầu lên được. Chưa biết câu chuyện kết cục ra làm sao, mà cái tình đau đớn của người này đến cực điểm. Một lúc nhà sư lại ngồi ngay lên, hai tay ôm lấy ngực, lông mày chau lại thành một cái rãnh giữa trán, vai so lên tận tai. Trông bộ gớm ghiếc, như một người tù bị giam đã lâu nay đem ra mà hỏi án.

Tôi trông mặt cảm lòng không đậu, bảo hãy ngồi yên mà nghỉ cho khỏi mệt. Nhà sư mỉm cười miễn cưỡng làm bộ mạnh mẽ, cho tôi khỏi chán. Rồi cứ tiếp tục mà nói: "Chúng tôi cùng hưởng cái lạc cảnh đoàn viên trong gia đình được hơn một năm, sinh được một đứa con trai, rồi tôi lại bỏ ra làm thông ngôn dưới tàu trận², nay đóng cửa này, mai ra bể nọ. Từ bây giờ lại kẻ ra hồ thỉ bốn phương, người chịu sớm hôm chiếc bóng, sum họp có ít biệt ly thì nhiều; thương thay! Sự sinh hoạt của chúng tôi nó đã tiêu ma mất bao nhiêu là cái thanh niên hạnh phúc! Sáu năm sau tôi mới lại được đổi về toà Sứ ở trung châu, thì Lý bà mất đã hết việc³, bao nhiêu di sản cũng để lại cho vợ chồng tôi. Đứa con trai tôi cũng đã biết đi học. Làm việc ở toà Sứ như tôi cũng là bậc có danh giá, từ tỉnh quan cho đến phủ huyện ai cũng tới lui, cho nên bổng lộc cũng nhiều mà chi tiêu cũng lắm. Tưởng ngày nào vợ còn cấp từng rổ khoai, đội từng thúng gạo đi nuôi chồng, nay đã dù che ngựa cưới, ăn trắng mặc trơn, sự hy vọng của chúng tôi, tưởng thế đã là mãn nguyện. Ai ngờ no đủ sinh ra dâm dật, quyền quý sinh ra kiêu căng; sự tai họa ở đời thường phát đoan¹ từ những khi đắc chí.

- .1. Hóa thành vật khác, tức đã chết.
2. Tàu chiến.
3. Mãn tang.

Một hôm tôi vừa ở nhà hầu ra thấy có cái xe sừng sực² trước mặt đi lại, một người trong xe bước xuống mà nói: "Thầy quên tôi rồi ư? Tôi đã đến mấy hôm nay, cứ đi tìm thầy mãi". Tôi cũng mừng rỡ mà nói: "Chào cô Ba". Cô Ba nói: "Quan lớn tôi đã về, có khi không sang đất thuộc địa nữa". Tôi vừa cười vừa nói:

"Thế thì cô Ba càng được tự do". Cô Ba nói: "Phải, chẳng thế sao tôi được đến đây mà tìm thầy?". Nguyên người này là vợ một viên quan ở tàu trận. Vẫn ở trên bộ, trước có dan dít cùng tôi. Ngày nay lại gặp, không kịp tính gần tính xa, cứ đón rước về nhà, nhận là người quen thuộc cũ. Đại để những người đã lữa³ đường giao thiệp, không quen lấy lễ phép buộc mình, từ lời ăn tiếng nói cho đến nét đứng nét ngồi, đều đủ cho người ta chỉ trích. Trong bấy nhiêu ngày cô Ba lui tới ở nhà tôi thì Lý cô miệng nói không ra, mà thực như đánh đóng trong con mắt. Sau tôi phải thuê một cái nhà khác cho cô Ba ở, mà một mình tôi cứ tả xung hữu đột, như ông chiến tướng đứng giữa trùng vi. Một là tránh cho khỏi tiếng chì tiếng bắc trong gia đình, hai là dè bèo rượu nồng; ai thấy cửa trời mà chẳng tiếc. Thân thể tôi bấy giờ chẳng khác gì Tiết Đinh Sơn đã hãm vào mê hồn trận, lên, lui, tả, hữu, chẳng còn bước nào là một bước quang minh. Mấy nơi ca quán, mấy chỗ để trường, không chỗ nào là không có tôi với cô Ba làm khai mạc chủ.

- .1. Bắt nguồn.
2. Như sừng sững.
3. Lữa: thạo, sành.

Một hôm canh đã tàn, rượu đã tỉnh, cô Ba ngần ngại mà nói với tôi rằng: "Sự hành lạc của chúng ta nay sắp đến ngày thu cục¹, vậy phải liệu mà tính cách duy trì, cuộc cạnh tranh có nhanh chân, nhẹ bước mới hơn người, nếu ngồi chờ nước đến chân có khi nhớ bước. Tôi ngắm anh cũng có vẻ phát đạt, sao anh không liệu thế mà ra làm quan? Cứ lấy tài lực tôi mà xem, tưởng cũng là việc dung dị²". Mới nghe thấy hai chữ "làm quan"

thì tôi rộn rịp cả tâm thần, như ai đã
mở lá cờ trong bụng, xưa nay chỉ tơ tưởng quan lớn, bây giờ hóa ra sự thực thì
biết đâu? Tôi vội vàng hỏi: "Nói chơi
hay nói thật? Đường sĩ hoạn bây giờ mỗi ngày một hẹp; có phải đồ trong túi đâu
để tùy ý mình vơ vét". Cô Ba tủm tỉm
mà nói: "Không phải nói chơi. Nếu mấy tay cốt yếu với mình đã là người quen;
nhất sắc nhì tài 3, thiên hạ còn có sự
gì là khó!".

Tôi mới nghe, mặt nóng lên bừng bừng, sau lạnh như nước đổ vào lưng, bao
nhiều ý khí tiêu ma đi đâu mất cả. Nghĩ
mình với người này chẳng qua là duyên gặp gỡ, có lý gì lấy trinh bạch mà buộc
nhau. Và xem tính tình cô Ba như
chim ngoài lồng, như thú sở cũi, hồ dễ chịu cho ai lung lạc hay cơ mi4, của tam
bảo chỉ để bố thí cho thập phương ai
có duyên thì hưởng. Tôi làm bộ ngẩn ngơ mà nói: "Tôi coi cô Ba mảy cao trán
rộng, đường đường một vị phu nhân,
mà trong số tôi quan lộc có đào hồng lại là số công danh phải nhờ nội trợ. Không
biết cô Ba sẽ liệu ra cách nào?". Cô
Ba nói: "Muốn ăn lãi thì phải bỏ vốn. Thầy cần phải chuộc về cho tôi mấy bộn đồ
vàng là đồ cần dùng của tôi, còn
việc gì nữa thì cứ mặc tôi tùy cơ ứng biến".

- .1. Kết cục.
2. Dễ dàng.
3. Thứ nhất là sắc đẹp, thứ nhì là tiền tài.
4. Cơ my hay ky my là dây giàng ngựa, bò, ý là ràng buộc.

Tôi vội vàng về nhà vơ vét được bao nhiêu đưa cả cho cô Ba mà cô Ba vẫn còn
chưa đủ dụng. Nghĩ đi nghĩ lại chỉ còn
mấy bức văn tự của di sản Lý bà để lại và còn ở tay Lý cô, phải lập thế mà lấy
cho được, thế là hết.

Tối hôm ấy về nhà, thấy Lý cô đang ngồi dưới bóng đèn mà vá áo. Tôi ghé lại mà bảo rằng: "Nay vì chút công danh nên phải tiêu cũng tốn. Tôi muốn mượn mấy bức văn tự của Lý bà để lại. Rồi đây có bằng có lộc lại kiếm ra bằng trăm bằng nghìn bấy nhiêu, bấy giờ cũng của chồng công vợ chớ đi đâu mất mà sợ". Lý cô vội gạt lời tôi đi mà nói: "Thôi, lâu nay tôi đã biết thân phận mẹ con tôi rồi. Công danh phú quý cũng xin nhường cả cho ai. Thầy hãy xem tôi bây giờ đã mình trần tay trắng còn có cái gì mà cho ai nhờ được nữa". Nghe mấy tiếng châm phong¹, tôi đã tím gan tức ruột phải bấm bụng mà lui ra. Vừa gặp cô Ba vồn vã mà hỏi: "Này, đây vừa có tin may mắn lắm, thật là cái dịp tốt cho mình. Nào khoản tôi bảo thầy biện đã đủ chưa? Sợ chậm ra thì nhớ cả".

Nhiệt trường của tôi bấy giờ lại nóng như lửa đốt. Nghĩ đến mấy bức văn tự phải dùng vũ đoán mới xong. Tối hôm ấy lại về nhà, không thấy Lý cô ngồi ngoài. Hỏi con ở nói Lý cô đau bụng, từ mấy bữa không ăn, phải uống thuốc mới vào phòng nghỉ.

Tôi biết ngay Lý cô thoái thác: vợ con như thế, còn nhờ nhau lấy gì! Tôi vào ngay chỗ nằm mà hỏi: "Mấy bức văn tự cô để đâu? Nếu cô chối tôi một lời là có sự chẳng lành đến tính mệnh". Lý cô còn tưởng là nói dọa, cứ thủng thỉnh mà nói: "Văn tự nào của thầy mà cứ tra hỏi?". Nói rồi lại cứ nằm vật xuống. Tôi căm quá, vừa bước ra rít lên một tiếng.

Như có người giẫy lại, hai con mắt nóng như kéo màng, bao nhiêu mạch máu trong mình sừng lên hết. Bấy giờ tôi trông thấy Lý cô như người đi săn đề được con thú dữ, cố đánh cho thật phải phục xuống kéo chạy thoát đi chẳng. Khi đã móc được cuốn văn tự ở trong lưng Lý cô, thì Lý cô không còn một hơi thở. Tôi cũng bước rảo ra mà đi thẳng.

Đem cuộn văn tự ký lấy mấy trăm đồng bạc mà đưa hết cho cô Ba.

.1 Như mũi kim chích vào mình.

Mấy hôm sau, lên về nhà, vừa đến cửa đã thấy rộn rịp kẻ vào người ra, nghe nói Lý cô phải chứng bằng huyết đã mấy hôm nay nguy lắm. Thấy nói chột dạ mà mình không mặt nào dám vào trông thấy Lý cô, cứ bàng hoàng thất thế, như người không hồn không vía. Dù xin phép ở nhà nuôi vợ ốm, cũng cứ lẩn lút một nơi, bưng mặt mà khóc.

Một hôm thấy thằng con chạy lại, mắt hoe hoe đỏ nói: "Mẹ cứ gọi thầy mãi, xin thầy vào". Tôi liền theo đưa con mà vào. Lý cô còn trông tôi miệng muốn nói mà không nên tiếng nữa. Tôi đứng chân không vững, dựa mình vào vách, hai tay bưng lấy mặt, tưởng mình như một đũa tù nặng đưa ra mà xử án. Thấy có người vực tôi ra ngoài rồi mê thẳng đi. Việc Lý cô mất rồi tống táng ra làm sao không biết gì nữa.

Bâng khuâng tưởng mình ra khỏi cửa lại tìm đến nhà cô Ba. Trông lên nhà gác, không có bóng đèn, đã hồ nghi. Hỏi người ở nói: "Cô đi chơi ngay từ hôm thầy không ở đó". Hỏi cô đi với ai? Người ở nói: "Cô đi với một ông khách lạ".

Tôi tưởng chẳng có lẽ thấy anh vừa dốc túi mà chị đã đổi lòng; hẳn cô này đi vận động câu chuyện của mình, hãy chờ lâu thế nào cũng có giai tìn. Cô này những lúc biếng son nhạt phấn, tóc xoắn ngang vai áo che nửa ngực, cũng đủ cho người ta điên đảo, hướng lại vàng đeo ngọc giắt, gấm bọc hoa cài, thì sắt nào mà chẳng ngây, đá nào mà chẳng chuyển.

Tôi lại thơ thẩn đi ra, vừa đến cửa nhà hát, thấy suýt qua một cái xe ngựa. Người trong xe chính là cô Ba ngồi với một người luật sư, nhắc thấy tôi ngoảnh mặt làm thinh, giục đưa đánh xe ra roi cho

ngựa tể.

Tôi cứ đứng đực một bên đường, rồi đến nhà một người chị em mà hỏi chuyện, vừa đến, người chị em đưa cho tôi cái thư của cô Ba để lại. Tôi bóc tuột cái thư ra mà xem. Thư rằng: "Anh Phán, khi anh đọc cái thư này, thì tôi đã thuộc về tay một người khác. Duyên kỳ phùng chúng ta có thể mà thôi, không còn bồi tiếp với anh được nữa. Xin anh về nhà mà hưởng cái hạnh phúc vợ hiền con thảo, bấy giờ sẽ quên có biết một người con gái tên là cô Ba. Cái khoản anh đã gửi cho tôi cũng đủ chi son phấn. Cảm ơn anh lắm".

Đọc cái thư rồi, mắt nẩy đom đóm, tay run cầm cập, như con thú dữ phải cái tên thuốc mà phát điên. Muốn hét lên một tiếng: "Ai ngờ?" giật mình thành ra một cơn ác mộng.

Biết chính mình đã phạm một tội rất lớn là tội giết người, biết Lý cô đã chịu khuất nhục đau đớn mà chết; biết cái lòng tham dục mình nó đã đưa dắt mình vào những đường tội lỗi, biết nhân tình thế lợi chẳng qua là một cảnh chiêm bao, bấy giờ óc tôi không sao mà chứa cho hết những điều hối hận. Thôi! Mình đã vị một người xấu xa, rất hèn hạ, mà phụ với một người đáng quý hóa, đáng ơn nghĩa; mặt mũi nào còn đối với mọi người? Lý cô có biết cũng tha thứ cho tôi chăng? Đa mang phóng túng cũng là cái thông bệnh của người đàn ông, còn tội ngộ phạm của người nóng, cũng như người điên, hoặc có thể nguyên tình mà khoan giảm. Tuy nhiên cái lương tâm tôi nó càng nghiêm nhặt, nó bắt tôi nhớ mãi cái tội tôi, rửa cũng không phai, mài cũng không sạch, đã mười năm nay, tôi bỏ hết mọi sự ái luyến ở đời, đã quy y đầu Phật, đội đức từ bi, mở đường tể độ, cho tôi gặp lại bạn tôi cùng về chính giác. Đưa con tôi cũng theo chúng bạn mà đi Sài Gòn. Khi đi có gửi lại cho tôi một cái thư, xin thầy hãy đọc cái thư này, thì biết can tràng con trẻ...".

Nói rồi đưa tôi một cái thư gói kỹ lưỡng lắm, rồi cứ dựa ghế mà ngồi, hoặc sa nước mắt hoặc cau đôi mày, tình thái thê lương, lâu lâu thiu ngủ.

Tôi đem cái thư đến bóng đèn mà đọc.

Thư rằng:

"Thưa cha. Tôi là một đứa con trẻ rất khốn nạn¹. Vì chính mắt con đã làm chứng một cái thảm kịch đáng kinh hãi đã diễn ra ở trong gia đình. Cái ác cảm ấy không bao giờ cho con khuây đi được. Thù mẹ khôn trả, nghĩa cha chưa đền, thực con không đáng kể là một người trên thế giới. Nếu con chưa tìm đến non cao vực thẳm cũng vì không nỡ để cha thêm nặng tội tình. Xin cha hãy quên có sinh đứa con tên là X... hãy sẵn lòng mạnh mẽ ăn năn cải hối. Sự sum họp của chúng ta ở nơi chín suối, ngày hãy còn dài".

Tôi vừa đọc cái thư xong thì nhà sư cũng vừa thức dậy; hỏi tôi đọc đã xong chưa. Tôi nói:

- Sự tình thuộc thực, thì cái thương tâm của người cũng là quá đáng.

Khi về nhà nhân ký đầu đuôi như thế. Năm sau có người nhà chùa về hội Phủ Giày, hỏi thăm, thì nói: Vị hành tăng ấy đã tịch tại chùa Thiên Thai ngày tháng Chạp năm ấy.

Tạp chí Nam Phong,

số 26, Tháng 8 - 1919.

.1. Chữ khốn nạn ở đây chỉ có nghĩa như khốn khổ. Nguyễn Văn Vĩnh thời ấy dịch Những người khốn khổ là Những kẻ khốn nạn

Nguyễn bá Học

Chuyện Cô Chiêu Nhì

Cổ nhân có câu cảnh ngôn rằng: "Con nhà giàu hay xa xỉ, con nhà sang hay kiêu căng". Thật như vậy, nhà giàu ăn tất cao lương, mặc tất gấm vóc, ở tất lầu đài, đi tất xe ngựa, thị dục ngày càng nhiều, đặng độ1 ngày càng rộng; như thế muốn cho con em có thói cần kiệm làm sao được. Thực chưa hề có dạy con xa xỉ, mà xa xỉ đã thành ra cái thói quen. Nhà sang gọi có người dạ, bảo có người vâng, nói dờ không ai dám chê, làm dờ không ai dám bẻ, tai chỉ nghe những tiếng phỉnh nịnh, mắt chỉ trông những người xu phụ. Như thế mà muốn cho con em có thói khiêm nhường làm sao được. Thực không hề dạy con kiêu căng mà kiêu căng đã thành ra cái thiên tính. Than ôi! Xa xỉ tất là bại gia, kiêu căng tất là bại đức; vậy giàu sang là cái hạnh phúc hiện thời, biết đâu không phải là cái di họa cho con cháu! Cổ thi có câu rằng:

Phú quý bất dâm bản tiện lạc,
Nam nhi đáo thử thị hào hùng2.

Người không hào hùng mà phú quý, chẳng cũng nguy lắm ru! Cho nên giáo dục ở trong nhà nghèo hèn thời dễ, giáo dục ở trong nhà phú quý thời khó. Nếu cho câu nói này là không thật, xin đọc câu cảnh thế tiểu thuyết3 như sau này:

1. Mức tiêu dùng.

2. Phú quý không ham, vui với nghèo hèn, làm trai nên thế là hào hùng.

3. Tiểu thuyết rắn đời.

Ký giả vốn là người Kinh đô, nhân đi thiết trưởng¹ và lưu ngụ tỉnh xa, cứ mỗi ngày hưu hạ², lại về câu lưu ít ngày mà hưởng cái cổ viên phong vị. Mới hơn mười năm nay, phong khí mở mang, việc đời thay đổi, y quan đệ trạch³ đều không còn cái quang cảnh cựu thời khiến người lưu lăm mỗi nơi, đều có cái tích kim quan cảm⁴.

Một hôm tôi với người bạn đi chơi các phố đã hơi mỏi, đưa nhau vào nghỉ trong một cái trà lâu. Vừa ngồi trông ra ngoài bao lan thấy người bạn tôi nói:

- Kia cô Chiêu Nhi đã đến! Cô Chiêu Nhi đã đến!

Mới nghe hai tiếng "cô Chiêu", tôi tưởng là một vị nữ công tử nào, lạc lối Đào nguyên đâu mà đến đó, tôi cứ chú ý mà xem. Ai ngờ bước vào là một con ăn mày, chừng 30 tuổi, đầu bù tóc rối, mặt bủng da chì, quần không che đùi, yếm để hở ngực, tả tơi như hoa gặp gió đã tàn, u ám như trăng tuần mưa đã úa. Thế mà bước đi ưỡn ẹo, vẫn ra cái phong vận đại gia. Một tay cầm mẫu "xì gà" hút lấy hút để, một tay dắt đứa con chừng ba bốn tuổi, mặt mũi bần thiêu, mới trông không biện⁵ là con nhà nào, đầu không có mũ, đít không có quần, mình đeo cái áo tướp như bướm bướm.

Người con gái đi đến từng khách ngồi mà hỏi xin: tiếng nói khẽ mà nhỏ như tiếng ve sầu, mới nghe không rõ là nói

gì. Người ta cho một đồng kẽm, không chịu lấy, cứ năn nỉ, đổi cho đồng xu, mới nhặt lấy mà đi chỗ khác.

Tôi đang trông đang nghĩ, người bạn tôi vừa cười vừa nói:

- Bác có muốn nghe cái lịch sử cô Chiêu Nhi này không?

Tôi cũng cười mà nói:

- Có.

Nhân rót một chén nước chè đầy. Bạn tôi vừa dập giọng vừa nói: - Cô này, lúc còn nhỏ, tôi biết, là con gái một nhà phú quý, đây tôi không muốn nói tên, là để danh dự cho một người tai mặt. Cô là con thứ hai, cho nên gọi là "Nhì".

Cha anh đều phát đạt sớm, có danh vọng thế lực một thời, không may đều thất lộc đi sớm; chỉ còn một mẹ hiền lành quá, không có tư cách giáo dục. Hiếm hoi chỉ còn một cô là con gái, nâng niu như hòn ngọc trên tay, không nỡ để một chút gì cho trái ý con cả.

1. Dạy học.
2. Nghỉ hè.
3. Mũ áo nhà cửa.
4. Mỗi cảm xúc xưa nay.
5. Phân biệt.

Bấy giờ cô Chiêu còn nhỏ, đã có tính hay hỗn hay hờn. Cả ngày chỉ hát hồng cười đùa, mắng đầy sai tở, phạm trong nhà vá may nấu nướng không biết một việc gì. Năm 14, 15 tuổi đã biết vuốt ve làm dáng, hộp son bình phấn, ấy là cái đồ nữ tặc nữ công. Mẹ thấy con hoa ướp hương xông, cũng ra ý mừng thầm: con trẻ đã ra vẻ người lớn. Gặp những ngày thanh minh, trùng cửu tất cho con sửa xe sấm ngựa, để đi khoe cái tốt cái đẹp với người.

Từ bấy giờ cô Chiêu tính càng kiêu ngoa, nét càng phóng túng, nay chán thứ mặc cũ này, mai sắm thứ thời trang khác, hết sức chua ngoa, cùng cực xa xỉ. Không hội hè đình đám nào cô không đi xem; không ngõ liễu đường hoa nào mà cô không đi dạo. Những lũ thiếu niên hoàn khóa¹ ở hai bên đường, kêu cô bằng mắt, ghẹo cô bằng lời, cô càng ngấm ngứa càng vui, lấy thế là người ta khen cô xinh cô đẹp Cho đến phu

xe con hát không ai là không biết cô,
tranh nhau đón rước chào mời, cô càng ra mặt hào, càng lên vẻ quý; còn bao
nhiều lời vật nghị² cùng danh tiếng ông
cha, cô không đoái hoài chi đến cả.
Chẳng bao lâu, lời ve tiếng én nghe đã ỏi cả tai, người mẹ muốn làm thính không
được. Một tối chờ con đi chơi về,
đuổi cả con ăn cái ở ra bên ngoài, sẽ gọi cô Chiêu đến mà nói: "Mẹ xem nay con
đã lớn, chưa có chỗ xứng đôi, mà
con cứ suông sã rong chơi, không giữ giá con nhà, mẹ e không có người hay
chuộng đến con nữa. Nay mẹ những lo
đêm lo ngày vì con, nếu con không sửa đổi tính nết con đi thế nào, con để phiền
cho mẹ mà cũng tự khổ cho con nữa".
Cô Chiêu nghe mấy lời từ huấn, như gió thoảng ngoài tai, cứ thản nhiên không
cảm động, lại bảo mẹ rằng: "Gái có
chồng như gông mang cổ; người ta ở đời ăn chơi cho thoả, con ơn cha nhờ mẹ
được no cơm lành áo, ấy là có phúc có
phận, chồng mà làm gì. Mẹ, đừng khóc nữa! Nào ai phiền não mẹ, chẳng qua là
mẹ tự cầu lấy phiền não!". Nói rồi,
nguyên ngẫu đi về chỗ ngủ.

1. Bải học trở về.
2. Chê bai dị nghị

Người mẹ nghe bấy nhiêu lời, biết con mình đoạ lạc đã sâu, không sao mà cứu
vớt được nữa, càng hối từ khi còn nhỏ
mình quá yêu con mình chính mình hại con mình đó. Cứ một mình ưu ưu uất
uất, đau ngấm đau ngấm, không được
bao lâu mà chết. Lúc sắp chết còn cầm lấy tay con ứa hai hàng nước mắt, muốn
khuyên con hối cải, song nói đã
không nên lời, mà cô Chiêu cứ dạ sắt gan vàng, không đau cũng không ngứa.
Khi người mẹ đã chết, cô càng không có kỷ¹ gì nữa; bao nhiêu của tư trang đồ

tế nhuộm cầm bán huỷ hoại cho hết.

Nước bạc đã thao, lược rượu cũng cao, tinh thần ngày một hao tổn, ngọc thể ngày một vỡ vụn, lại mượn ả Phù dung, để làm đồ bỏ rơi. Ngày đêm đi theo một chàng đấng tử, như điên như dại, như mộng như si. Ít lâu thấy mình đã có mang, trước còn cấm con ăn đũa ở không được hở han ra ngoài. Sau nhân sự nhỏ mọn trong nhà đánh chửi đũa đầy tứ, tức mình nó đem cái bí sử của cô mà tuyên bố ra ngoài, tiếng lành đồn xa, tiếng dữ cũng đồn xa, thực cô đã đứng đầu con gái tự do ở nhà Nam Việt.

Người trưởng tộc nghe biết, giận lắm, bắt cô uống thuốc sủ, rồi đuổi cô ra khỏi nhà, nở nào để danh giá một nhà trâm anh ô nhục vì một đứa con bất hiếu¹. Bấy giờ cô Chiêu như bông liễu đã dính đất bùn, hoa thơm đã rơi lỗ hổng², bao nhiêu người khi trước được biết cô là vinh, đến bây giờ lại lấy quen cô là nhục; thấy bóng cô ai cũng lánh mặt, nghe tiếng cô ai cũng bĩu mồm. Thương ôi! Vừa mới ngày nào thân vàng vóc ngọc, mỹ miều thay! Một vị tuyệt diệu giai nhân, nay đã bể bàng thay lá rụng hoa rơi, thành ra một cái uế vật trong đường, không ai thèm ngó đến!

1. Kiêng kỵ.

1. Không có đạo đức.

2. Cái lỗ bần thiêu, hỗn trọc.

3. Cuốn.

Đang lúc nghiêm đông, mưa phùn gió bắc, đường vắng người đi, trời đen như mực, cô Chiêu mình mặc cái áo bông rách, xo ro như con cò bị bão, đứng dưới đầu hè nhà người ta, ruột đói như cào, cơn nghiện vừa đến, đứng không vững dựa mình vào tường mờ màng trông thấy mẹ mặt giận hằm hằm như tức

tối vì thấy con không nghe lời di chúc.

Than ôi! Nhỡ nhàng một giọt mưa sa, đường cùng thân gái biết là về đâu! Bất đắc dĩ, cô gõ cửa một cái nhà lán

giềng cũ, xin ngủ nhờ một tối, sớm mai sẽ nhờ người tìm nơi cho mà đi ở vù.

Nhà kia đánh lửa mà xem, biết là cô con

gái nhà ông Mỗ bà Mỗ tẩm tẩm mà nói rằng: "Con nhà khuê tú, sang trọng đã quen, xưa nay chỉ biết sai người, nay

chịu cho người sai sao được. Nhà chúng tôi đây không phải là lữ quán, không dám dung quý nhân". Nói rồi, tặng cô

một bát cơm và mấy đồng tiền, mời cô đi chỗ khác.

Cô Chiêu nghe bấy nhiêu lời mai mỉa đau đớn hổ thẹn nghìn phần, vội lúi chân ra vừa được mấy gian nhà, liền ngã

xuống bên đường, mê mẩn không biết gì nữa.

Đêm đã khuya, mưa đã tạnh, mây vừa quyển³, trăng vừa lên, chợt nghe tiếng chân người từ xa lại gần, ấy là cái cứu

tình của cô Chiêu đã đến. Khán Xuân là một người phu điểm trong phố, tuân lệ vừa đi tuần. Bên đường chợt thấy có

thấy người, lại gần mà xem là một người con gái. Sờ ngực còn có hơi thở, vội cõng ngay về điểm. Lấy rơm mà sưởi,

lấy nước cho uống, dần cô Chiêu tỉnh lại. Khán Xuân mừng lắm, hỏi nhân sao mà nằm đây. Cô Chiêu nhân kể lẽ sự

minh, và có ý hối hận, nghĩ mình sống không bằng chết, nay đã đội ơn cứu tử, cam lòng kết nghĩa ba sinh. Khán

Xuân vốn là anh lạc phách gặp cô Chiêu là ả hàng cơm, hai bên liền kết bạn cùng giao¹, cũng được cái tiên duyên túc

đế². Được một năm sinh được đứa con, cứ ban ngày Khán Xuân đi làm tôi trong phố, cô Chiêu bế con đi ăn mày, tối

tối lại về cùng hưởng cái tư vị đoàn viên nơi điểm sở.

1. Kết giao trong khốn cùng.

2. Duyên trước, gốc xưa.

3. Cuốn.

Cái lịch sử cô Chiêu Nhi kết quả là thế, hồng nhan mặt lộ, nghĩ cũng nên thương, ai biết rõ câu chuyện này, cũng đồng thanh thán tức.

Tôi ham nghe câu chuyện, trông ra trời đã chiều hôm. Tôi từ bạn về nhà, còn băng khuâng như có điều gì nghĩ ngợi.

Bèn kê đèn mà chép kỹ càng, để bạn nữ lưu đọc xem, cũng có điều cảnh giới.

Tạp chí Nam Phong,

số 43, Tháng Giêng 1921

Nguyễn bá Học

Có gan làm giàu

Ngạn ngữ có câu rằng: Làm giàu là đầu mọi sự nghĩa là hết mọi sự ở đời phải nhờ có của mới làm cho nên; như thân thể một người tri giác vận động đều nhờ cái trí khôn ở đầu. Đạo làm người ta có no ấm mới có học hành, có học hành mới có công này nghiệp khác, nên trị nhà trước phải mưu cho người nhà no đủ rồi mới dạy đường lễ nghĩa, mà phong hóa trong một nhà mới được túc mục¹; nước cũng phải mưu cho nước nhà giàu thịnh rồi mới sửa sang chế độ, mà cơ đồ một nước mới được vững bền. Không giàu thì nghèo, đã nghèo thì hèn, đã hèn thì yếu, bấy giờ đói rét thiết thân, có lúc nào nghĩ đến lễ nghĩa, mất cả công lý; ngoài cách lần hồi để cầu sống, thù phụng để kiếm ăn, thì không còn có

tài sức mà làm được việc gì ở đời nữa. Vậy làm giàu thật là đạo sinh tồn của loài người, là gốc văn minh của thế giới.

Làm giàu có đạo không? Và đạo làm giàu là gì? Sách Đại học nói rằng: "Sinh nhiều, ăn ít, làm mau, dùng khoan" giữ bốn đạo ấy cho gan thì giàu. Thật đấy, hay làm mà không tần tiện, như người kiếm cá bỏ giỏ thủng tròn, tần tiện mà không có gan, như người đi câu mà ngồi không nóng chỗ, xưa nay mấy người đã có tiếng là tay làm giàu nào ai sinh trưởng trên núi tiền non bạc, chẳng qua là những người hay làm, hà tần hà tiện, lại thêm có tính nhẫn nhục quyết đoán hơn người.

Hãy xem câu chuyện một người làm giàu này, dù phép làm giàu chưa phải là chính đáng mà gan làm giàu thực đã tuyệt đối một đời. Kể đọc câu chuyện này cũng chẳng cần suy tìm chứng cứ có thực hay không, chỉ đem hai cái gia đình mà so sánh, thì thấy cái đạo làm giàu này thực có chân lý và chân thú.

1. Đầy đủ, thuận hòa.

Trong tỉnh Nam Định về phủ Thiên Trường, trước có người đàn bà họ Trần, mới ngoài hai mươi tuổi, mà góa chồng chưa có con, có nữ công, có tư sắc; trong lối xóm nhiều người hỏi, chưa chịu lấy ai, còn những kẻ thiếu niên nghịch ác hay nói chòng ghẹo, hễ thấy mặt chị ta nghiêm nghị, thì không dám giờ thói khinh bạc ra nữa. Ai cũng bảo chị ta còn kén chồng, cứ ở một mình, đi làm thuê mà kiếm ăn. Sau có một người đàn ông ngoài ba mươi tuổi tự đến mà dạm lấy. Nói mình là họ Lý, ở cùng một xứ, góa vợ đã hơn hai năm, có một đứa con riêng, còn nhỏ phải mượn người nuôi. Mình đi làm công trong nhà máy, ăn công mỗi ngày là bốn hào. Coi dáng người cao mà mảnh, hai con mắt dài mà đen, ngoài mặc cái

áo thâm đã sờn tay, đi đôi giày da đầy
những bụi. Tiếng là người lao lực, mà có vẻ nhàn nhã, mới trông biết ngay là
người có tinh thần hơn là lữ lực¹.
Chị chàng kia xem người vừa ý, không còn đắn đo hơn thiệt gì cả; hai bên đính
hôn với nhau. Trong lời giao ước
không ai có của tây riêng gì, có một điều phải giữ là trong việc làm ăn của người
chồng, dù đi sớm về khuya, người vợ
không được can thiệp và ngăn trở.
Từ bấy giờ hai người lập nên một cái gia đình nho nhỏ ở trong một cái nhà thuê
có ba gian; một gian làm phòng ngủ,
một gian làm phòng ăn, còn một gian để người chồng làm việc riêng, chồng cứ
sáng đi tối về, vợ cũng làm thuê kiếm
được mỗi ngày một phần tiền công của người chồng. Hai bên ăn cần ở kiệm,
cách sinh nhai càng thấy khó nhọc bao
nhiều, thì tình thương yêu nhau lại càng thiết tha bấy nhiêu.

1. Lữ lực: lữ là xương sống; lữ lực: sức lực gân bắp, chuyển nghĩa thành sức
mạnh;

Một hôm, anh chồng từ ngoài đem về cho vợ mấy tấm bánh và mấy trái quả, vừa
cười vừa nói:

- Lâu nay chúng ta đã từng kham khổ, nay sẽ nếm chút ngọt bùi.

Người vợ cầm lấy, rồi cứ phàn nàn rằng:

- Vợ chồng mình ăn dè uống sèn còn lo không đủ mà nuôi con; người ta không
phải là sắt đá sao cũng có lúc hu

hâm¹, có dè sèn được ít nhiều cũng đề phòng khi thiếu thốn. Nếu cứ như ai bóc
vấn cắn dài, ngày nắng chẳng nghĩ
đến ngày mưa, như thế chỉ gọi là đời ăn xổi.

Người chồng nghe nói sừng sốt mà nói rằng:

- Hôm nay nhân lĩnh tiền công làm ngoài giờ, chúng bạn rủ đi mua vui một vài
chén rượu. Sức nhớ đến kẻ ở nhà cà

chua mắm mặn, mới cấp nấp về một chút, gọi là cùng nhau sẻ ngọt chia bùi; ai
ngờ trung tín mà phải tội như mình
cũng là vô lý quá!

Bấy giờ hai vợ chồng cứ nhìn nhau mà cười, lại đem bánh và quà chia nhau mà
ăn; tưởng cái ý vị đoàn viên bây giờ,
không còn có miếng cao lương nào mà ngon ngọt hơn được. Cả ngày cũng như
một lúc, cả năm cũng như một ngày,
nghe tiếng nào cũng là lời âu yếm, trông mặt ai cũng có ý hả hê. Thiên đường ở
đâu? Cực lạc ở đâu? Chính ở trong ba
gian nhà vợ chồng người chung ái.

Sáu năm trời đã được hai con, mà hai vợ chồng chưa hề có một điều gì chếch
lệch². Cái sinh hoạt chung của hai người
như thế tưởng đã là hả hê, song tình ý riêng của mỗi người hãy còn ở trong u
uẩn. Lạ thay! Cả năm không thấy người
chồng có tới lui với ai, cũng không hề có thấy một người nào lui tới. Lạ hơn nữa!
Là người đi làm cả ngày lao lực mà
tối về cũng không say ngủ ngon ăn; cứ tự thương tự lương³ một mình, bao
nhiều điều hơn điều thiệt của mình không
hề có đem ra mà chuyện trò với vợ.

1. Tối tăm, cơ nhỡ.
2. Không hợp ý nhau.
3. Tự buồn tự vui.

Người vợ dù giữ lời giao ước cứ việc ai nấy quản mà cái mối nghi trong óc đã
không sao gỡ cho tan. Một hôm đêm đã
khuya, sức thức dậy, thấy phòng bên bóng đèn còn sáng, mới lén lại xem. Thấy
người chồng đang đưa ghế mà ngồi,
một tay đỡ trán. Một lúc rút tờ giấy trong ngăn bàn ra mà viết; lâu lâu gục đầu
xuống ghế mà nằm, như thế năm sáu
đêm liền, như có tai hạn gì sắp đến phải lo phương tính kế để tránh đi cho khỏi.

Hình dung anh ta ngày càng khô cằn¹, tinh thần ngày càng hoảng hốt; người vợ thấy thế làm sợ, chồng không nói, vợ không hỏi, sợ quá ra mà đến nỗi nào chẳng.

Hôm sau, người vợ đánh bạo đến mà hỏi; vừa đến trước cửa, nghe tiếng sùng sục như chim gù. Bước vào thấy người chồng nghiêng đầu nằm trên cái ghế, mặt trắng bệch như đất vôi. Vợ vàng cầm lấy tay mà hỏi, thì đã mê mẩn không biết gì nữa.

- Trời ơi! Không biết cái sự bí mật gì, nó làm cho chồng tôi lo nghĩ mà đến thế này!

Nói đoạn, người vợ đi ngay đến thầy thuốc. Thầy đến xem rồi, bảo rằng không hề gì, người này dùng sức óc quá độ, mà sinh ra chứng hôn vụng². Không lâu sẽ tỉnh lại, song phải nghĩ trí không dương sức mạnh³; nếu không, phải lại, nên một chứng rất nguy hiểm.

Bấy giờ người vợ cứ theo lời thầy dặn, ngồi một bên mà coi sóc người chồng. Nhân tìm mấy cái thư của người chồng đã viết mà xem, thì thấy đều là những công việc trong một cái Công ty thóc gạo ở tỉnh ấy. Trong thư nói những phương lược phải sắp đặt thế nào, để cứu lại những sự thua thiệt trong việc buôn bán.

1. Khô héo.
2. Hôn mê.
3. Thôi suy nghĩ, tăng cường làm việc chân tay.

Người vợ nghĩ rằng: Nhân sao người này lại can thiệp đến việc công ty. Nếu những cái thư này là mệnh lệnh cho công ty phải theo thì vận mệnh cái công ty này hẳn ở trong tay người này, nếu phương lược trong cái thư này không thi hành được, thì công việc cái công ty và trách nhiệm của người này sẽ có quan

hệ lớn lắm. Nghĩ thế rồi người vợ đem
mấy cái thư đi mà gửi, rồi lại về cứ ngồi một bên người chồng mà chờ cho tỉnh
lại.

Nguyên lai họ Lý chính là người quản lý ở cái công ty trong tỉnh ấy là sở buôn
bán gạo thóc để chở ra ngoại quốc. Từ
khi góa vợ mới trá hình ra người làm công mà đi lấy vợ kế. Thuê sẵn một cái nhà
kín để thay hình đổi dáng, cứ tối
ngày từ công ty ra về, thì mặc cái áo làm công mà về nhà vợ, lại cứ sáng ngày
từ nhà vợ ra đi, thì lại mặc áo quản lý
mà vào làm việc. Giữ cách bí mật như thế, đã sáu năm trời, không cho ai biết.
Năm ấy xảy ra nước ngoài có việc chinh chiến, ảnh hưởng lai láng đến cả việc
buôn bán trong xứ, nhất là việc chở
chác¹ gạo thóc lại càng khó khăn. Trách nhiệm một người quản lý trong công ty
bấy giờ chẳng khác gì ông tướng coi
một đạo binh, điều khiển bố trí quyền ở một tay, được thua lên lui sai nhau nửa
bước; vậy phải lo nghĩ sắp đặt hết mọi
sự trong công ty, từ thay đổi người làm cho đến thêm bớt giá hàng. Không một
việc gì là không phải sửa sang cân
nhắc lại, suốt ngày không đủ, kể một phần đêm, hao tổn tinh thần, đến nỗi sinh
ra một chứng hôn vụng.

Lúc tỉnh lại, thấy người vợ còn quỳ một bên mà cầu khẩn, thực mình không biết
hồn đã ra khỏi phách tự bao giờ,
bàng bàng hoàng hoàng² lại đòi đi ra làm việc ngay. Người vợ thuật lại lời thầy
đã bảo và nói:

- Bấy lâu ăn nhịn để dành, cũng có dư được ít nhiều đủ cho chồng nghỉ mà
dưỡng bệnh.

1. Chuyên chở.
2. Bàng hoàng hoảng hốt.

Người chồng nói:

- Sợ không đi sẽ mất chỗ làm công, thì lấy gì mà nuôi con nuôi vợ.

Vợ nói:

- Người ta đi làm để nuôi vợ nuôi con; nếu dùng sức quá đến nỗi thân không còn thì vợ con còn trông vào đâu được.

Nói rồi cứ cầm tay mà khóc.

Người chồng nghe nói bất đắc dĩ phải ở nhà mấy tuần lễ. Hồi nghĩ đến tình thế cái công ty mình đã nguy núng lăm,

trong khi mình vắng mặt, có khi đã vỡ lở thế nào rồi đây. Những phương lược mình đã kế hoạch ra trong mấy cái thư,

nay cũng lạc vào tay ai, có khi ông xanh xanh¹ cố ý phạt người mệnh lã². Lại nghĩ đến cái vốn riêng của mình từ

sáu năm nay lấy tiền công và tiền hoa hồng bỏ vào công ty, tính ra cũng có hơn một vạn đồng bạc. Nếu cột cái đã đổ

thì kéo bám vào đâu; bấy nhiêu năm khổ trí khổ lòng đã hóa ra cái dã tràng xe cát biển.

Nghĩ đến đây, gan càng tức, ruột càng nóng, một hôm quyết lên vợ mà ra đi.

Trước đến ngay cái nhà kín, cho người

tìm mấy số nhật báo trong những ngày mình đi vắng, lia con mắt mà đọc mấy hàng cận sự³, không thấy có nói gì đến

việc công ty gạo thóc, mới chắc ý mà đi đến công ty. Vừa đến cửa, còn thấy rậm rộ kẻ ra người vào; lúc vào phòng

giấy lại thấy người phó quản lý và các thư ký đều đến mà trình việc; trong ngoài mọi sự quang cảnh vẫn như thường.

Có một điều lấy làm lạ là mọi việc sắp đặt trong công ty đều như ý mình mới định. Hỏi ra mới biết từ mấy tuần lễ

trước, có tiếp được thư quản lý thì các việc trong công ty đã cứ theo phương lược chỉ định mà thi hành. May mà các

việc đều trúng thời cơ, cho nên sự giao dịch trong công ty lại được vững vàng như trước. Lấy mấy cái thư ấy ra xem

thì chính là thư của mình, mà chữ đề bì thư lại là tự tích của người vợ.

1. Cũng như ông xanh, tức là trời cao.
2. Số may xa lánh.
3. Con mắt lia lịa, đọc mấy hàng tin về việc gần đây.

Người chồng nghĩ lấy làm lạ, việc mình chưa hề có hờ han với ai sao mà vợ mình lại gửi những cái thư này trong lúc mình còn hôn vụng. Nếu vậy, chẳng những vợ mình đã biết mình là người trọng yếu trong công ty, lại biết những cái thư này có quan hệ trong việc buôn bán của mình nữa. Những cái thư này thực đã tạo hóa¹ cho công ty, mà tay kẻ đã gửi thư lại là tay tạo hóa cho cái thư ấy.

Thôi mình đã phụ hẳn một người tri kỷ bấy nhiêu lâu, đầy đoạ nhau vào trong chốn lấm than; nghĩa kia nên trọng, tình nọ đáng thương, còn biết trông thấy nhau đấy làm sao cho phải.

Lúc về nhà, trông thấy vợ, vội vàng cầm lấy tay mà nói rằng:

- Mình ơi, tôi đã là người rất hèn hạ, vì đã đem lòng khi trá mà đãi kẻ chí thành; tôi đã là người bạc hạnh, vì đã dùng cách tàn nhẫn mà đãi kẻ chí thân; tôi lại là một người chí ngu, vì đã để việc bí mật cho mình biết cả. Thôi chẳng qua cái chí hướng của tôi đã quyết, nó bắt tôi tệ bạc cùng mình; tôi cũng trông mong rằng cái chí hướng ấy đáng cho mình tha thứ cho tôi.

Người vợ nói:

- Từ thuở mới gặp nhau, thiếp vốn biết chàng là người có chí lạ, tính tình độ lượng khác kẻ hạ lưu, khi ăn nói, lúc ra vào, đều đủ cho người ta suy xét. Vì đã giữ lời giao ước, cho nên không dám can vạ, cũng không dám sai nghi. Thiếp nhận lấy những cái thư kia mà gửi là vì nghĩa vụ người đàn bà phải giúp đỡ chồng trong khi hoãn cấp. Nghĩ như thiếp đã thóc mách đến việc riêng của kẻ khác, cũng là phạm tội thày lay², thiếp xin chàng tha thứ cho điều ấy.

1. Đóng vai trò tác thành quan trọng.
2. Gánh vác việc không phải của mình.

Người chồng nghe nói, cứ cầm lấy tay người vợ mà nói:

- Hôm nay đã là ngày chúng ta bắt đầu đi đến con đường đã chỉ định, chính là ngày chúng ta mở cái màn hắc ám mà ra chốn quang minh. Hồi tưởng thân thể chúng ta từ sáu năm về trước chẳng khác chi người say rượu, vào trong đám đông, cứ bị kẻ đẩy người du, mà mình cứ mê mẩn lao đao như cuồng như dại. Từ năm 25 tuổi tôi đã ra học nghề buôn bán, ở trong công ty gạo thóc, cũng là tay kinh kỷ¹, tiền công mỗi tháng có 200 đồng, còn hai phần hoa hồng, một năm trong tay có kiếm ra ngót 3 nghìn đồng bạc, lấy vợ cũng con nhà phong thủy, cách cư xử cứ phải theo bậc thượng lưu; và việc giao tiếp bên ngoài, cũng tập thói sang trọng. Cái nhà ở đã lớn, thì phục dịch phải dùng nhiều người, nào xe, nào ngựa, nào bồi, nào bếp, lại còn cơm ngang khách tạm, trong nhà bao giờ cũng có hơn mười miệng ăn. Đã là nhà phú quý phải đủ lối hào hoa, nào đồ trang sức, nào đồ trưng bày, chỗ nào cũng muốn cho đẹp mắt, việc gì cũng muốn cho hơn người, vợ cho chồng lên bậc thượng lưu, chồng cũng không chịu để vợ ra người đạ bạc. Thị dục càng lắm, tốn phí càng nhiều, chúng tôi trước còn háo hắc², sau ra chán chường, trước còn đua tranh sau ra phiến não. Mặt ngoài ai cũng tưởng là vẻ vang, mà nội tình biết đâu là khổ nạn.

Một hôm nhân thừa tiền, tới nhà một người quen mà giật mựn. Vừa vào gặp có khách chơi, chủ nhân cứ ép tôi vào cuộc. Nể bạn tôi cũng theo đồ đến một vài tiếng, mà ai cũng khen là nước bạc sành. Hôm ấy được ít nhiều là may, mà trong lòng thực cũng tưởng mình là có duyên cờ bạc. Một lần khác, vừa chi

lượng³ về, tính ra không đủ tiêu, quen
mùi, tôi lại tìm ngay vào tiệm bạc. Ai ngờ mới nửa giờ đồng hồ bao nhiêu tiền
lượng đã bay lên chùa con chim mất cả.

1. Kinh doanh, chủ trương công việc.
2. Háo hức.
3. Phát lương.

Về nhà, sợ đàn bà dầy dật¹, cứ tìm cách giấu quanh, rồi cứ giật đầu cá vá đầu
tôm, lâu lâu thông ra một một món nợ
lớn. Người ta nói: "To cánh bè dài dòng văn tự" hết mọi sự đã dùng để vẽ vờ
cho chúng tôi một bức tranh sang
trọng², lại là những chảo gai dây sắt ràng buộc chúng tôi vào một cảnh khó
khăn...

Thương hại thay cho người bạn tôi trước vốn là người đa sầu đa bệnh, từ khi
trong gia đình đã gây nên cái phong trào
phản mục³ thì đêm ngày chỉ ăn giận uống hờn. Hai người thay là cái bệnh thất
tình, sự vui thì ít, sự lo thì nhiều, lần
lữa mãi thành ra một chứng không ăn không ngủ. Người thì bảo là ma làm,
người thì bảo là hậu sản, thang thuốc nào
cũng không hiệu, bùa chú nào cũng không linh, có chăng mình biết bệnh mình,
trước là thị dục quá độ, sau là điều
dưỡng thất nghi, tôi tự mình làm nên còn mong cầu khẩn đâu được. Tưởng thân
thể chúng tôi bấy giờ, như một con
tằm đã rút ruột ra, mình buộc lấy mình cho đến chết.
Năm 31 tuổi thì goá, mà trong tay thực không còn một đồng. Kể từ ngày từng trải
thối đời mà việc sinh nhai của tôi
cũng đổi lột thay dây từ đó. Ấy là cái kinh lịch của tôi tự sáu năm về trước, còn từ
khi đã giữ vững cái chủ nghĩa "có
gan làm giàu", tránh hết mọi sự phù phiếm ở đời, nay mới biết cái lạc cảnh trong
gia đình có giá trị là thế.

Nói chuyện rồi, đưa vợ và mấy đứa con lên ở một cái nhà lầu thật cao. Kia hai vợ chồng người quần xanh áo cộc hôm qua, nay đã là ông chủ bà chủ cái công ty gạo thóc trong tỉnh.

Tạp chí Nam Phong,
số 23, tháng 5-1919

- .1. Dẫn vật.
2. Nguyên in: chượng, là chữ trượng viết nhầm.
3. Trái mắt.

Nguyễn bá Học

Dư sinh lịch hiểm ký*

(Lời tự thuật của một người dờ dang về học giới)

Cha tôi gọi tôi mà bảo rằng:

- Cha đã có bao nhiêu tổn phí cho con ăn học, vì con lười biếng không chen cạnh bằng người, nay tên con đã ruồng đuổi ra ngoài học hiệu, tức là cái bằng chứng con là người xấu ác trong nhân quần và là một người vô dụng trong xã hội. Nay cha nhịn đã không thể nhịn, chỉ còn một phép là đuổi con ra khỏi nhà.

Lòng cha cũng lấy thế là cay đắng, song xin trời phù hộ cho cha quên có một đứa con vô chí như con vậy.

Tôi nghe nói thất kinh, thưa rằng:

- Thi không trúng tuyển không phải là tội một mình con. Cha không biết tình hình sự học ngày nay

không như ngày trước, chỉ vì...

Cha tôi nghe nói nổi giận, đỏ mặt, tía tai, lấy tay đập xuống bàn mà nói:

- Quân vô sỉ ngậm miệng mày lại. Phàm học trò học trường nào cũng đã có niên hạn. Mày học bốn năm

không qua được lớp tiểu học, cựu học đã dở, tân học cũng không nên thân,

không lấy làm sỉ còn tìm

điều chữa lỗi, nay cha phải đuổi con, thực mày đã bách tao làm điều bất đắc dĩ.

. * Ghi chép những gian lao từng trải của đời tôi.

Nói rồi thở dài lại nói:

- Tao vẫn biết cái ác tập1 học trò là hay lêu lổng biếng nhác, mượn thể rong chơi, học có không thành đã

chắc vào lưng cha mẹ. Xưa tao đã biết học khoa cử là đi vào con đường nguy hiểm, mà xoay ngay về thực

nghiệp, như người gò cương ngựa mà lên núi dốc, thiên tân vạn khổ mới có ngày nay, nếu không cũng

dở ông, dở thằng mà thành ra một hạng người ăn hại làm xằng trong xã hội.

Khi nói đưa tôi hai cái giấy bạc mà bảo rằng:

- Đây mười đồng bạc là cái quyền lợi sau hết của mày ở trong nhà này; từ nay không có cái bóng mày ở

trong nhà này nữa; cho đến nghĩa cha con cũng hết, chỉ nên coi nhau như người đi đường. Mày cũng

không được viết thư về nhà, dù có tao cũng cho vào đốt lửa, không phải là nhẫn tâm, là sợ thấy lời mày

ai cầu lại thêm lòng tức giận.

Lúc nói đến câu ấy tinh thần thâm, như muốn khóc mà nhịn.

Tôi quỳ xuống một bên mà nói:

- Xin cha nghĩ đến mẹ con đã mất mà tha thứ cho con.

Cha tôi nghe nói như lửa đổ thêm dầu, càng nóng càng giận, nói to lên rằng:

- Không, không còn điều gì phải nghĩ lại.

Khi nói rằng cần lấy môi, mắt nhìn tôi một bộ nghiêm dữ.
Xem ý đã quyết, không ngờ khuyết liệt² đến như thế. Tôi cứ từ từ đứng lên,
trông chung quanh nhà, mọi
vật đều có bộ âu sầu, cho đến ngọn cỏ lá cây như nhỏ giọt lệ thương tâm mà
tiến tôi. Bấy giờ lòng tôi hối
hận, nói không nên lời. Cha tôi cứ cúi đầu nín lặng, như thương tiếc cho tôi. Cha
tôi vốn là người trung
hậu, có lòng từ thiện với hết mọi người. Trước còn quyết chí khoa cử để nối
nghịệp ông cha, từ lúc có
phong trào Duy Tân mới chuyển về nông nghiệp, chăm chỉ cho con theo tân học,
nay thấy con đoạ lạc lẽ
nào mà không thương tâm.

.1. Thói xấu lâu ngày thành quen.

2. Quyết liệt.

Tôi lại đánh bạo mà năn nỉ một lần nữa:

- Xin cha thứ lỗi cho con biết đường tự tân¹.

Cha tôi nói:

- Tao không có thể để cho mày ô danh ngô tộc².

Tôi cầm lấy mười đồng bạc khóc mà nói rằng:

- Thương ôi! Cha cho con mười đồng bạc này để mưu sinh hoạt, sau mười ngày
nữa, xin cha lấy tình phụ

tử, mà nhật nắm xương cho con nơi khe suối, cho khỏi muông chim nó cắn xé,
thì con cảm đức vô cùng.

Không phải tôi nói thế mà doạ cha tôi, một người học trò còn dở, lấy mười đồng
bạc để mưu sinh hoạt

một đời, dù có đạo thần tiên cũng phải chết khát.

Ai ngờ cha tôi lòng như sắt đá, nghe không động tâm, chỉ nói:

- Mày đã đến tuổi tự lập, đừng mong ỷ lại vào ai nữa.

Nói rồi đứng lên, gạt tôi một cái, rồi vào thẳng nhà trong. Tôi đứng ngẩn một

mình, cầm trong tay hai cái
giấy bạc. Nghe lời nghiêm trách, thực không có tí hào3 nào oán hận, vì cha tôi
đã thương tôi hết lòng, hai
mươi mấy năm đã tổn hao tâm lực tinh thần, kết cục thành ra thất vọng. Đại khái
lòng nhân từ của người
làm cha mẹ như cái lấy nỏ, ấn nặng hay bật phải tay; cho nên mình chỉ nên tự
trách. Thôi tự đây mà đi
còn ai trách bị mình nữa. Tôi nghĩ đến đây, truy hồi vô cùng, thở dài một tiếng
mà ra khỏi cửa.

- .1. Tự mình đổi mới.
2. Họ nhà ta.
3. Tơ hào, mảy may.

Tôi từ biệt cha tôi rồi, ra bến xe hỏa mà đi Hà Nội. Đến nơi đã hơn 5 giờ chiều,
tìm vào khách sạn, là nơi
mỗi khi đi Hà Nội tôi quen trọ. Để đồ hành lý một bên, chợt trông gương thấy
bóng mình càng thương
càng tủi. Tự hỏi mình đến đây mà làm gì, thành ra không có chủ nghĩa gì cả.
Việc phải làm trước hết là
ăn cơm tối rồi, đi tìm thú giải phiền.
Đương thơ thẩn bên cầu Thê Húc, nghe chuông 9 giờ tối, tôi vào nhà chớp ảnh.
Nào trai lành gái tốt, bọn
năm bọn ba, ríu ra ríu rít, đều dương dương đắc ý, hớn hờ hoài xuân, mà tưởng
như mình đứng riêng một
cái cù lao mệnh mông trong thương hải. Ảnh đã thay ba lớp, tôi thật chưa thấy
một vật gì. Lúc entr acte1
chợt có một người thiếu niên ghé lại mà hỏi tôi rằng: - Anh có thấy đó không?
Một người đại đạo đang
đánh nhau với một người trinh thám, thế mới là tay nghĩa hiệp, chỉ lấy của phi
nghĩa mà giúp cho người

nghèo; nam tử ở đời cũng nên như thế.

Tôi còn bằng khuôn chưa hiểu ra ý gì, người kia lại hỏi tôi ở đâu, đến đây mà làm gì. Tôi còn lạ lùng cứ

hồ đồ mà đáp. Người kia tự nói, tên mình là Lý Khiêm, đi làm phóng sự cho một nhà báo quán, nhân mời

tôi ra ngoài hóng mát, và đưa hai người thiếu niên khác đến làm quen. Tôi cảm tạ mãi, rồi nói chỗ khách

sạn của mình, và xin quý khách qua chơi đàm đạo. Hôm sau Lý Khiêm quả đến tìm tôi ở khách sạn,

nhân hỏi tôi có thông Pháp văn không. Tôi nói mới có bằng tiểu học, vì đã lớn tuổi không được theo cho

đến ngày tốt nghiệp. Lý Khiêm nhìn tôi mà nói:

- Người ta sinh về nhiệt đới, có giống thông minh mà ít có tính kiên nhẫn hoặc vì cách giáo dục sai lầm,

hoặc vì đường cảnh ngộ bắt buộc, khiến cho nhiều người học ít thành tài, tài không trúng dụng, cũng là

một sự đáng thương đáng tiếc. Sao anh buổi cập thời tu tiến mà có cái nhìn thần tình tử táng¹ như thế.

.1. Tiếng Pháp trong nguyên văn: giải lao.

Tôi nghe nói thở dài mà rằng:

- Như tôi Hán học đã nhỡ thời, tân học cũng quá tuổi, đường tiến thân một ngày một hẹp, công nghệ

trong nước cũng chưa mở mang, như tôi muốn về yên phận trong gia đình cũng không được nữa. Sự tình

tôi không đáng bận tai quý hữu, song đã đội ơn hỏi đến, tôi xin nói thật. Tôi tên là Ngô Tự Tĩnh, cũng là

con nhà thi lễ, cha tôi có nghề làm ruộng. Năm 15 tuổi tôi mới thôi Hán học, mà theo Pháp văn, 21 tuổi

mới có bằng tiểu học. Năm nay trong 500 học sinh thi vào trung học, có 400 bị

truất, nhất là những người
đã lớn tuổi, mà tôi cũng ở trong số ấy, thời nhân² có câu nói diều rằng: "20 tuổi
đã về hưu trí", là vì nghĩa
thế. Cha tôi giận tôi là người luân lạc³, đuổi tôi ra khỏi nhà, cho tôi 10 đồng bạc
để tìm lối mưu sinh. Cha
tôi làm thế thực không khác gì đẩy tôi vào đất chết. Tuy nhiên sinh chẳng gặp
thời, mệnh sao chịu vậy,
không dám oán ai, khi đã hết mười đồng bạc này, chỉ còn cách tự giết mình đi là
xong cả.
Tôi nói đến đây, vô cùng cảm thương, khôn giữ được hàng lệ tuôn ra lã chã.
Lý Khiêm cầm lấy tay tôi và yên ủi:
- Tình trạng những kẻ dở dang về đường học giới ngày nay đều như thế cả,
không cứ một ai, chúng tôi
với anh cũng là người đồng bệnh. Tình anh khả lân⁴, mà cái ngu thực là khả
hận, lấy cái chết để chế với
cùng đồ⁵ có chẳng ở những bọn lao động mà ngu xuẩn, còn ý chí nam nhi hà tất
lấy cùng thông giới ý¹.
Hết mọi vật ở đời đều là của chung trời đất, trời đất chưa hề có dành riêng cho
hạng người nào; trừ những
kẻ sức không trói nổi con gà, gan không to bằng mật chuột, trời còn rộng, đất
còn dài, đi đâu mà không
tự đắc; kìa những kẻ bo bo giữ của không chịu làm ích lợi cho ai, đều là cái kho
vô tận của mình đó.

- .1. Thần sắc buồn bã như chết.
2. Người đương thời, người đời.
3. Lặn độn.
4. Đáng thương.
5. Đối phó với đường cùng.

Nói rồi Lý Khiêm dắt tôi ra cửa rử lên một cái xe đi chơi cho giải trí. Tôi nghe mấy

câu hào luận² đã lộ
mấy phần bất chính, và trong lúc vừa cười vừa nói, có thấy mấy cái răng vàng,
biết ngay không phải là
thượng lưu nhân vật.
Đến một nơi đỗ xe, vào một cái nhà rộng rãi mát mẻ, đã thấy có hai người hôm
trước ở đó, và có mấy ả
mày ngài, đón hỏi vồn vã, biết ngay là một chốn hồng lâu. Trò chuyện hồi lâu, ba
người đều ép tôi vào
cuộc rượu. Trong lời đàm luận đã tỏ ra những ý khí hào hiệp, nhất là Lý Khiêm
lắm lúc khảng khái bi ca,
khiến cho tôi chột mà muốn khóc, chột mà muốn cười, chột mà mừng, chột mà
giận, có khi quên cả thân
thế mình là con nhà ai đi nữa. Lý Khiêm muốn kết với tôi làm mặt hữu³, mà tôi
cũng vui lòng lấy Lý
Khiêm làm tâm giao.
Khi thấy tôi đã ra ý thân mật, Lý Khiêm làm nét mặt nghiêm trang mà nói:
- Anh em mình đã trót sinh ra thời thế lỡ làng cũng phải tính đường mà tự cứu.
Phàm người ta muốn gây
dựng nên sự nghiệp to lớn, cũng phải dùng những thủ đoạn phi thường; việc ấy
hôm nay tôi chưa có thể
nói với anh, rồi sau anh sẽ biết, có một điều phải giữ hai chữ thân mật⁴. Nếu một
chữ nào bất thận từ khe
răng mà lọt ra, chúng tôi phải lấy độc thủ mà đối đãi. Cái điều ước ấy không phải
là quá khắc, là vì nghĩa
vụ chúng tôi phải bảo toàn hạnh phúc cho anh mà cũng bảo toàn cái tự do chung
cho chúng tôi nữa.

- .1. Lấy vận cùng hay thông mà ngăn trở ý chí.
2. Như ta nói đại ngôn.
3. Bạn thân thiết.
4. Cẩn thận, kín đáo.

Tôi nghe nói như người đã sa chân vào bẫy, trông sau trông trước đều có cảnh tượng nguy nghi. Nghĩ cái tiền đồ của mình còn như đêm tối, nay gặp bạn lại là những người tình tích¹ không được quang minh, nếu xảy ra có sự hiểm nghèo, thực là mình lại xô mình xuống vực. Vừa toan kiếm lời cự lại thì Lý Khiêm lại nhìn tôi mà nói:

- Ngô huynh không phải nghĩ, cứ vững ở tay tôi, một lời đã tri kỷ cùng nhau, làm việc không có hậu hối²

mới là hào kiệt. Ngô huynh hãy về thu xếp hành lý, đúng 4 giờ chiều ra đợi chúng tôi ở bến xe hỏa .

Nói rồi giục giã tôi đi ngay.

Tôi về khách sạn cứ nghĩ: "Không có lẽ những người tuấn tú như thế, thông minh như thế, lại ra người

hiểm nghèo. Lại nghĩ như mình bây giờ lấy học vấn dở dang mà kiếm ăn trên ngòai bút, chẳng chức phụ

biện cũng chân thừa sai, nguyệt bổng chừng mười hai đồng sao cho đủ cái phong lưu tạm. Dem thông

minh nhĩ mục để tiêu ma trong một đời sớm chực trưa hầu, cũng là một đời sống tủi, hướng chi việc có ít

mà người thì nhiều, lại là cái số chưa chắc. Thôi từ khi từ giã cha tôi mà đi, vốn đã giắt sẵn một chữ liều

trong bụng. Dữ kỳ³ ngòai mà đợi chết, chi bằng vui thú chúng bạn, ném vị giang hồ, rồi đây có phải mắc

mưu lừa chước biển⁴ thế nào, cũng là một cái số ượng đắc. Bấy giờ ý tôi đã quyết, liền sắp sẵn mà ra bến

xe hỏa .

.1. Hành vi, gốc tích.

2. Hối về sau.

3. Ví bằng.

4. Chúc biển lận.

Đúng 4 giờ chiều hôm ấy, vừa ra khỏi khách sạn, có người nói sở cảnh sát bắt được mấy người can án ăn cướp ở tại bến xe hỏa. Trông ra đã thấy hai người cảnh sát giải ba người thiếu niên, có một bọn lính đi áp. Đến gần chính là bọn Lý Khiêm. Lý Khiêm thấy tôi liền đưa mắt trở lại. Tôi cũng đứng nép vào chỗ đông người không dám ra mà hỏi. Bấy giờ tôi bàng hoàng càng nghĩ càng sợ; ai hay những người có học vẫn lại phạm những tội hung ác như thế! Có khi xưa nay bao nhiêu những người gian ác đều là bậc thông minh mà đem ngộ dụng, bao nhiêu những tay đao tặc đều là người hào kiệt mà đi lầm đường. Than ôi! Lỡ bước lỗi thời, có tài vô dụng thương thay cho thiên hạ, mà lại sợ thay cho mình nữa.

Tôi vốn biết đất phồn hoa chính là chỗ sản xuất những điều tội lỗi, song muốn về biết là về đâu. Đường đi đã không có chủ đích đường về cũng không có quy y, thân thể tôi bấy giờ như chim không tổ, như chó lạc nhà, biết giữ sao cho khỏi sa ngã. Tôi cứ nghĩ quanh nghĩ quẩn, nghĩ gần nghĩ xa, chợt nhớ đến một ông thầy học cũ, tôi liền tìm đến mà thăm thầy.

Thầy tôi là người đạo học, chán thời thế mới về điền viên, cùng cha tôi là bạn đồng chí. Xưa kia có điều gì khôn dại, tôi vẫn đến thầy tôi mà chất chính, chỉ từ khi xoay về tân học, thầy trò mới phải xa cách nhau. Lúc đến nơi, thầy mình lại đứng trước sân thi lễ mà lòng trọng đạo tôn thầy lại sinh ra vô cùng quan cảm. Tôi nhân kể cùng thầy cái cảnh ngộ trong gia đình, và những người

mình đã gặp gỡ.

Thầy tôi nói với tôi rằng:

- Cha anh có một mình anh là kẻ nghiệp, cho nên phải nghiền răng chữ nhẩn mà dạy con, đường tiến thủ

của anh còn dài, anh cũng phải giữ lấy một chữ nhẩn mà lập chí. Thầy nghĩ từ cái học khoa cử sai lầm đã

đến cực điểm, làm cho chính trị giáo dục, kinh tế trong một nước đều phải hư bại, mà bấy lâu bọn cự

học đã chịu những tiếng mỉa mai, những lời bỉ bực, đã nhục cả tai, đã dày cả mặt, thầy những mong cho

các anh, mừng cho các anh đang lúc niên phú lực cường, gặp hội đổi thay học thuật, khảo sát lấy đạo phú

cường, đổi bỏ những thói hủ lậu, họ may có ngày mở mặt với thiên hạ, và rửa hổ cho ông cha. Ai ngờ

các anh lại đem cái óc cũ mà học chữ mới, nghĩa là học để cầu phú quý, chứ không học để suy ra thực

dụng. Người ta học về mà làm ruộng, học về mà đi buôn, học mà về làm nghề này nghiệp khác, trăm

nghề đều có học, trăm việc đều cải lương, bấy giờ quốc dân mới văn minh, xã hội mới tiến hóa. Có khi

các anh tưởng cứ khoán lệ bỏ hết trong các làng, thầy kiện đi khắp trong các tỉnh, gặp ai cũng là tây

trang¹, nhà nào cũng làm kính chớp, con trẻ cũng nói tự do, đàn bà cũng thông pháp hoại², như thế gọi là

phú cường, gọi là văn minh được hay sao? Nếu các anh đi học chỉ để mưu kiếm ăn, có khác gì học khoa

cử chỉ để mưu phú quý. Không có lẽ hết mọi người đều đi học, hết mọi người đều làm quan, hể học mà

không thi đỗ, cứ về làm người dở dang, như thế không những thiệt riêng cho từng người, mà là hại chung

cho xã hội.

Tôi nghe thầy tôi nói bấy nhiêu lời như roi đánh vào đầu như đuốc soi vào dạ,
mới biết cái tư tưởng mình
xưa nay sai lầm là thế. Nhân xin thầy tôi chỉ bảo cho con đường, làm thân học
trò ở đời này phải noi theo
thế nào là chính đáng.

Thầy tôi lại nói:

- Thông bệnh người ta là cái tính ỷ lại, con ỷ lại cha mẹ, vợ ỷ lại chồng, anh em ỷ
lại lẫn nhau, chúng bạn

ỷ lại nhau, người nào cũng chỉ mong ỷ lại được nhau. Mà tính ỷ lại ấy lại là bởi
dút dất lười biếng mà ra.

Không ai dám đi đâu ra khỏi nhà, không ai dám nghĩ làm một việc khó, quốc thổ
mười phần bỏ hoang

mất bấy, công thương quyền lợi nhường hết cho người ngoài.

.1. Mặc đồ Tây.

2. Tức pháp thoại: nói năng về luật pháp.

Như thế mà các anh oán hận là sinh bất phùng thời, phàn nàn là hữu tài vô
dụng, cũng là tự bạo, tự khí

quá. Thầy miễn cho các anh sẵn lòng mạnh mẽ chịu khó chịu nhọc, thì ở đâu mà
không có người dùng,

việc gì là việc làm không được. Khổng phu tử có nói: "Ngôn trung tín hành đốc
kính, tuy man mạch chi

bang hành hĩ"1. Xem những người Hoa kiều ở trong xứ ta có học vấn gì, có thần
thế gì, mà họ chiếm

được một cái địa vị rất có thể lực, chẳng qua cũng là họ thực hành sáu chữ:

"ngôn trung tín hành đốc

kính" ấy mà thôi. Nay thầy lại nguyện cho các anh bỏ lối hư danh, chuyên về
thực nghiệp, ở cho thật

lòng, làm cho hết sức, đối với gia đình, đối với nước nhà, hạnh phúc các anh còn
lớn, thầy nay đã già,

các anh tự trọng.

Tôi nghe nói, như người đem rửa cái óc cũ cho tôi mà thay óc mới lại, thấy tinh thần hoạt bát, ý khí mạnh

bạo, trông ra trời còn rộng, đất còn dài, xin đem mấy lời sư huấn làm xử thế cẩm nang, để chống chọi với

mọi sự gian hiểm.

Bấy giờ tôi sắp sửa mà đi thăm thú Nam Kỳ. Có người bạn tôi giữ lại ở nhà ít ngày để hỏi thăm tin tức

trong Nam Kỳ cho chắc chắn; vì trong giấy thông hành phải có người hiện ở Nam Kỳ nhận thực mới là

người có căn cước. Phải, người chân chính cử động cũng nên minh minh, bạch bạch, giữ pháp luật, tị

hiềm nghi² là sự cần nhất cho kẻ đi ra ngoài du lịch.

Mấy hôm sau người bạn tôi đưa cho tôi một cái điện tín của người anh rể, là hiệu Khánh Long, hiện buôn

bán ở Sài Gòn, mời tôi vào chơi. Dự bị xong xuôi, đến ngày 14 tháng Bảy, tôi ra Hải Phòng mà chờ sang

tàu lớn. Tưởng như tôi từ nhỏ đến lớn chỉ biết dùi mài kinh sử, chỉ giảng cứu những sự nghiệp thánh

hiền, kiến văn chỉ trói buộc trong ba con sách cổ, vũ trụ chỉ quanh quẩn trong mấy gian nhà tranh, nay

mới ra đến chốn hải tuyền¹, mới mở mắt mà trông mây trời nước bể, bao nhiêu cái tư tượng phi mã khinh

cừu, đã thoát khỏi ra ý khí thừa phong phá lãng².

.1. Lời nói thì trung tín, hành vi thì hết lòng giữ nghiêm cẩn, như thế dù ở nước lạ hậu, chật hẹp, cũng vẫn thực hành được đạo của mình.

2. Tránh mọi điều hiềm nghi.

Tôi mượn một người quen biết, có từng trải về việc đáp tàu chạy biển để đi trình giấy và mua vé. Người

ấy nói chuyện với một người bếp tàu hồi lâu, đến 14 giờ mới đưa tôi xuống tàu để tôi ngồi trong một cái phòng nhỏ. Phòng kín, không có một hé sáng, ngửi sặc những mùi dầu; nhân lấy tay mà sờ, chung quanh thấy những túi than đá lớn. Thở hút bức tức, như tù bị giam trong ngục tối, tôi chưa nghĩ ra làm sao. Một lúc thấy người bếp tàu đến, đưa cho tôi một khúc bánh và một chai nước mà bảo tôi rằng:

- Tàu đã nhỏ neo sắp chạy. Người mua vé cho anh không thấy đến, anh cứ phải ngồi yên trong phòng kín. Nếu người chủ tàu trông thấy anh, người ta sẽ ném anh xuống bể. Tôi nghe nói, biết ngay là mình đã mắc phải đũa vô lương, tham mấy đồng bạc cước tàu bán rẻ một người anh em bạn. Tôi càng kinh càng hãi, cứ phải ngồi nín hơi trong tối, tưởng mình không bằng thân con vờ còn được tự do thở hút không khí trên mặt nước.

Lâu lắm mới thấy người bếp tàu lại đến, nói tàu đã ra khỏi bến, tạm cho tôi ra ngoài mà hóng mát. Tự bấy giờ cung cấp cho tôi ăn uống cũng hậu. Tàu chạy suốt ngày 15 sang ngày 16, nghe người nói đã trông thấy núi Ngũ Hành Sơn. Tôi cũng theo người ta ra mà trông vào bờ bể. Nghìn trùng nước biếc, một vết mây đen, tôi đang đứng bồi hồi về nỗi góc bể bên trời, chiếc thân luân lạc, chợt thấy có người đến vỗ vai, tôi ngoảnh đầu lại thấy ngay người Tây đi soát vé. Tôi hoảng hốt cứ thật thà mà nói; và nói có Khánh Long ở Sài Gòn là người quen sẽ bồi hoàn tiền cước. Người Tây xem giấy thông hành của tôi rồi bảo một người nhốt tôi lại ngồi một chỗ.

.1. Biển lớn.

2. Bao nhiêu lo nghĩ về giàu sang đã đổi thành ý chí mạo hiểm.

Tàu chạy chừng 3 giờ đồng hồ nữa thì vào cửa Quảng Nam. Người ta cho tôi xuống một cái thuyền mà bỏ lên đất. Bấy giờ tôi muốn tìm người bếp tàu mà nói, không còn trông thấy đâu, dù có nói gì cũng là vô ích.

Sự gian nan của tôi lại đến nông nổi nước này là một: sức yếu tài hèn, tay không đất khách, dù có tài như

Nguyễn Tịch¹, có chí như Tử Tư², cũng đến nước khóc đường cùng xin giữa chợ. Tuy nhiên, cùng thông

may rủi cũng là lẽ thường, xưa nay những người khổ chí mà làm nên, lại là những người ở trong cùng

ách điên nguy³ mà ra cả. Nhớ lời thầy tôi có nói: "Người ta có một bệnh là hay ỷ lại", như tôi bây giờ

thực không còn ỷ lại vào đâu được nữa. Nếu đã đắc chí mà đi lại thất chí mà về, mặt nào còn đối với thầy

tôi; còn mong bao giờ cáo vô tội với cha tôi nữa. Nghĩ đến thế thì cái chí đi Nam Kỳ của tôi lại càng kiên

lắm.

Một buổi tối đang đi vơ vẩn bên sông, thấy một người thiếu niên ngồi bên bờ nước mà câu cá. Tôi cũng

ghé lại một bên mà xem. Người thiếu niên thấy tôi là người ngoài Bắc, liền hỏi tông tích. Tôi nói muốn đi

tìm một người thân thích ở Sài Gòn, đi đường bộ không quen muốn đi tìm một cái thuyền buôn mà đáp đi

cho tiện.

Người thiếu niên kia nói chính cha mình có thuyền đi buôn bán Nam Kỳ, thuyền còn đỗ bến chưa ra cửa.

Và hứa cho tôi được nhờ thuyền làm khách đáp.

1. Một trong Trúc Lâm thất hiền đời Tấn, người nước Ngụy, nổi tiếng đọc rộng

sách vở, có nhiều tài.

2. Tên là Viên, người nước Sở thời Xuân Thu, cha và anh bị vua Sở Bình Vương giết, ông sang Ngô giúp vua Hạp Lư, nuôi chí báo thù, cuối cùng kéo quân về bình định nước Sở.

3. Nghiêng đổ.

Khi vào thuyền thấy một ông già gần bảy mươi tuổi, thần khí mạnh mẽ, tiếng nói như tiếng chuông; mới
trông biết là người có đảm lược. Tôi chào ông và bày tỏ tình trạng. Ông cũng tỏ ra lòng hiếu thiện và yêu
tôi như yêu con. Ông nói chuyện đi bể vui lắm, ông lại sinh nhai trên mặt bể. Ông còn muốn hoàn du
một vòng thế giới, rồi sẽ về mà phú nhàn¹. Nghe lời ông nói rất mạnh mẽ, khiến cho tôi quên cả cái thân
luân lạc. Vả lần này cũng là lần hàng hải thứ hai, tôi không còn sợ bể nữa.
Chờ nước triều lên, thuyền mới ra cửa, trông lại bóng đèn trong bến, lác đác như sao hôm dần dần lặn
hết; gió tĩnh mây quang, vùng trắng trong vắt, một chiếc thuyền phôi phới như ở giữa sông Ngân, tôi tựa
mui mà ngồi; đang trông xa lặng lẽ, ông già đến vỗ vai tôi vừa cười vừa nói:
- Thú bể có vui không? Trăng thanh nước biếc kia đã trải biết bao nhiêu cuộc bể dâu, đã soi biết bao
nhiều người kim cổ! Thanh niên như các anh nếu không ra mà ném cái phong vị giang hồ, biết bao giờ
cho ra người kinh lịch.
Lại nghe ông nói mấy lời, bao nhiêu cái thói lười biếng, tính rụt rè của tôi đã tiêu ma đi đâu mất cả, gió
sương dày dặn, tinh thần càng tươi.
Thuyền vừa chạy ra Quảng Ngãi, gần đến Quy Nhơn, ông già chỉ một dãy núi xa xa mà nói:

- Đó là nơi sản xuất đạo tặc². Trước thuyền buôn đi lại thường phải giới bị, nay

Nhà nước đã mở ra

thương cảng, có hỏa thuyền đi lại mà đạo tặc cũng chưa tiêu diệt đi cho hết.

Thuyền đương chính hướng Nam mà chạy, trông bốn mặt trời liền với nước, chỉ năm ba con hải yến bay

quanh cột buồm, ngửa mặt mà trông vô cùng khoáng爽. Ông già chột chỉ sau thuyền mà hỏi:

1. Dưỡng nhàn.

2. Đoạn này còn có câu nhận định: "Xưa Tây Sơn cũng là nhất thế chí hùng, mà bạo ngược tàn ác vẫn không thoát khỏi cái khí tập đạo tặc". Chúng tôi tạm lược đi vì ý kiến không chính xác, và ghi xuống chú thích.

- Có ai trông thấy cái bóng đèn đằng sau thuyền ta không?

Tôi cũng theo tay chỉ mà trông, xa chừng mười dặm có bóng lửa nhấp nháy. Một người thủy thủ nói:

- Có khi nào mảnh từ Quảng Ngãi chạy sau thuyền ta. Anh em phải dự bị thuyền ta bẻ lái vào dé Tây, thử

xem thuyền họ phương hướng ra đằng nào thì biết.

Lúc nói thì cái bóng đèn đến gần chừng bảy tám dặm, trông rõ cả thuyền. Ông biết chắc là thuyền cướp,

giục người trong thuyền ra sức chèo chạy cho thoát hiểm. Vừa nói thì nghe đoành đoành hai tiếng súng,

chừng không có đạn ấy là quân cướp ra oai bảo thuyền ta phải dừng lại. Cướp bề ngày nay cũng biết giữ

công pháp như hai bên địch quốc, trước khi giao chiến có ra hiệu trước; việc giết người lấy của cũng có

văn minh là thế.

Thuyền tôi bấy giờ sống chết ở trong giây phút, chủ thuyền cứ đốc thủy thủ chèo chạy, phó tính mệnh

cho trời, quyết không bó tay mà chịu chết. Thuyền cướp cũng không bắn nữa, chèo đuổi cũng riết như

hai chiếc thuyền bơi đua trong đại hải. Chủ thuyền nói:

- Chết vì nước còn hơn chết vì giặc.

Ai ngờ nói chưa dứt lời, rầm một tiếng thuyền tôi va phải hòn thật.

Nước đã vào thuyền, tình trạng bối rối trong thuyền không nỡ nói cho hết. Tôi theo ông già cùng mấy

người thủy thủ, nhảy xuống một cái xuồng lớn, cắt dây mà chạy. Tôi cũng lấy một mái chèo mà bơi,

không nỡ ngoảnh lại mà trông cái thuyền bị đắm, chỉ nghe tiếng người xào xạc, biết là quân cướp cũng chèo thuyền lại mà cướp lược1 hàng hóa.

1. Cướp bóc.

Bảy giờ trăng đã xế Tây, trời đã gần sáng, xuồng cứ theo bóng trăng mà chèo, tiếng chèo reo rắc, cảnh

đêm mờ mịt, tưởng không phải là trong nhân thế. Thương ông già là người từ thiện, mà gặp sự tai biến

như thế, ông còn gượng cười mà bảo tôi rằng:

- Hôm nay chúng ta phù trầm trong bể có khác gì Kha-luân-bổ1 lúc tìm Mỹ châu.

Tôi cũng gượng cười gượng đáp mà trong lòng thực lo: thuyền còn phiêu lưu trong bể, trong thuyền

không có một hạt cơm, một giọt nước, nửa ngày nữa không vào đến bờ, hẳn là đem nắm xương này chôn

trong thương hải.

Thế mà ông già vẫn tỏ ra y bạo, không hoảng hốt, không âu sầu, làm cho mọi người đều vững dạ, đều ra

sức. Không bao lâu mặt trời đã cao, bóng nắng đã mạnh, miệng đã khô, bụng đã đói, nếu trời không cứu

cho mà gặp cái chài cá nào, trong nửa ngày nữa cũng phải chết đói, chết khát.

Ông già vừa tựa cái thang xuồng thiu ngủ, một người thủy thủ lấy tay chỉ phía Bắc mà nói:

- Có cái bóng trắng như lá buồm.

Tôi mừng quá vỗ tay mà reo. Ông già kinh dậy. Tôi nói:

- Trời thật giáng phúc cho chúng ta, chúng tôi đã thấy có cái thuyền buồm chạy đến.

Mỗi người buộc khăn lên mái chèo mà vẫy; ít lâu có thuyền đến thật, liền cứu chúng tôi lên.

Ấy là thuyền buôn ở Nha Trang, chủ thuyền với ông già lại là người quen thuộc, cứu được chúng tôi lấy

làm mừng rỡ lắm, cho chúng tôi ăn uống rồi hai ông trò chuyện, ông già nhân chỉ tôi mà nói:

1. Tức Christopher Columbus (1451 - 1506), người nước Ý, tìm ra châu Mỹ, phiên âm qua tiếng Hán.

- Người thiếu niên này là khách đấp thuyền tôi vào Sài Gòn mà thăm người thân thích. Không may giữa được gặp nạn trong một ngày một đêm đã chịu biết bao nhiêu là cái tử sinh kinh cụ¹.

Chủ thuyền cũng là người cao nghĩa, hứa giúp cho tôi tiền lộ phí để đi xe hỏa tự Nha Trang vào Sài Gòn.

Lúc tôi từ giã ra đi, hai ông cùng ân cần mãi, lòng cao nghĩa ân tái sinh của hai ông không bao giờ mà ra

khỏi cái trí nhớ của tôi được. Tôi chỉ cầu xin đức Thượng đế chứng hộ cho kẻ có lòng lành, mà tôi cũng

chắc lòng tôi là người trung tín, đến đâu cũng có kẻ cứu giúp.

Xe hỏa đến Sài Gòn, tôi tìm vào ngay hiệu Khánh Long, là một nhà khắc dấu. Vợ chồng Khánh Long

cũng là người Bắc, thấy tôi thì mừng rỡ lắm. Nói có được điện tín của người em, xin ra bến tàu đón

khách mà không được gặp. Tôi nhân thuật những sự đi đường hiểm trở, ai nghe cũng lấy làm sợ và lấy

làm mừng.

Khánh Long vốn là người hiếu khách, thấy tôi là người đồng quận² lại tỏ ra lòng thân yêu. Người Bắc Kỳ

ở trong Nam cũng nhiều, gặp nhau ai cũng có cái quan cảm tha hương ngộ cố³.

Người ta lúc ở trong một

làng một xóm, thường gặp mặt mà không chào, khi ra tỉnh khác gặp người đồng hương mới biết tình biết

lý là trân trọng; lúc ở trong một trấn một thành có khi coi nhau như thù nghịch,

lúc ra xứ khác gặp người

đồng châu mới biết nghĩa đồng bang là ý vị.

Người Nam Kỳ tính hiếu thi ca, tôi cũng lấy nghề thi ca làm giới thiệu mà được thù tạc với các quân tử

trong Lục châu⁴, nhất là những người dân di cố lão, còn yêu chuộng Hán văn, trông

1. Kinh sợ.

2. Cùng huyện.

3. Cùng một mối cảm xúc nơi đất khách gặp người quen cũ.

4. Tức Lục tỉnh.

thấy con nhà cựu học càng hoan nghênh, càng ái thích¹. Từ bấy giờ, tôi càng sinh về nghề mồm mép hoặc

làm thơ làm đối hoặc làm chuyện làm vè, hoặc làm tờ rao hàng, hoặc làm văn đăng báo; mỗi hàng càng

đắt, thủ quỹ càng nhiều, trong bốn tháng trời, trừ chi tiêu đi rồi còn để ra được 200 đồng bạc.

Phong hóa trong Lục tỉnh dân thuần tục hậu, trừ những nơi thị tỉnh² nhiễm thói kiêu ngoa, còn trong dân

gian đều ngõ cửa song then, đi đường cửa rơi không có người nhặt, đại khái người nghèo khó thì ít, nhà

giàu có thì nhiều, trong một làng rất nhỏ cũng có một vài cửa hàng khác. Gặp

người nào cũng là xuân
phong hoà khí, vào nhà nào cũng có vườn tược³ lâu đài. Người ta nói: "Đất Nam Kỳ là đào hoa nguyên⁴ ở cõi Đông Dương". Cái thắng du của tôi ngày nay thực đã bỏ với những nỗi đi đường hiểm trở.

Trong Nam Kỳ đất hoang còn nhiều, mà người làm có ít. Khí hậu không hay có mưa to gió lớn, cày cấy để mà thóc lúa nhiều. Lắm lạch nhiều sông, đường vận tải cũng tiện; cho nên nhà làm ruộng đều là nhà giàu, không như đất trung châu Bắc Kỳ, đất ít người nhiều, một người chân lấm tay bùn chỉ đủ ăn nửa năm, còn nửa năm phải kiếm thêm về nghề khác.

Tuy nhiên, phàm người ta dễ kiếm ăn thì hay sinh lười biếng, có người đã nghĩ rằng người Nam Kỳ vì thế mà coi việc công thương là hèn hạ. Việc buôn bán thượng từ hàng vàng hàng lụa, hạ chí hàng cá hàng rau, việc công nghệ lớn từ mạng áo đóng giày, nhỏ chí đan rổ đan rá, đều là phó cho người khách làm nô lệ. Gần đây ở Bắc Kỳ đã có lắm người đến mà thích cánh chen vai với các chủ như Tăng Khánh Long, Đào Huống Mai, Nam Tân, Ba Tiên, đều là tay đã dựng lá cờ đầu trong trường thương chiến.

1. Yêu tiếc.
2. Phố xá chợ búa.
3. Nguyên in: vườn rược.
4. Suối hoa đào, một nơi sung sướng lý tưởng trong bài Đào hoa nguyên ký của Đào Tiềm, nhà thơ Trung Quốc đời Tấn.

Từ bây giờ tôi chú ý suy cầu về việc thực dân¹ ở Nam Kỳ. Nghe nói Thái Kỳ Sinh là người Trung Hoa,

có niên kỷ², có kiến thức, có kinh nghiệm, lưu ngụ ở Nam Kỳ đã lâu, nay đã nên một nhà phú hào, tôi

tim đến mà yết tiên sinh. Tôi mới lược bày ý kiến về sự thực nghiệp Nam Kỳ, tiên sinh cũng vui lòng mà

lược bàn các lẽ. Tiên sinh nói:

- Thực nghiệp ở Nam Kỳ lấy khẩn hoang điền là có lợi hơn hết. Việc khẩn ruộng đất tốt phải có nhiều

điền tốt³ có điền tốt tất phải có đủ cái ăn. Vậy lấy đâu cho nhiều điền tốt? Lấy đâu cho đủ cái ăn? Khi

giải quyết cho xong hai cái vấn đề ấy, thì sự nghiệp thực dân của anh nghĩ đã được quá nửa. Còn sự mưu

khẩn phúc, cái lợi nhỡn tiền, không phải là chí anh, cũng không phải là việc ngày nay chúng ta thảo luận.

Tôi xem người đã nhiều, mà coi anh cũng người có đại chí, cũng có cơ đại thành⁴, anh hãy cố.

Tôi lui về mà nghe những lời tiên sinh đã nói: sự nghiệp thực dân không phải một người mà làm nổi,

không phải một ngày mà làm xong. Ấu là ta lộn ra Bắc Kỳ tập hợp cho nhiều anh em đồng chí, nhất là

những bọn dở dang về đường học giới như tôi, mỗi người tập lấy một thủ nghệ⁵ vào làm mưu trong

Nam Kỳ. Một người đi kiếm phải nuôi lấy hai người, gọi là người điền tốt. Trước còn nuôi gà nuôi lợn

làm vườn trồng rau. Khi chiêu mộ điền tốt ở Bắc vào đã nhiều ta bắt đầu vào việc làm ruộng. Trước còn

lấy công mà nuôi nông, sau lại lấy nông mà nuôi công. Khi nông công đã đủ cho chúng tôi một cái tư

bản lớn lao, chúng tôi sẽ xoay về thương nghiệp.

1. Đưa dân đến làm ăn sinh sôi nảy nở ở một nơi khác mảnh đất quê quán.

2. Tuổi tác.

3. Nhân công cày ruộng thuê.
4. Cơ thành đạt lớn.
5. Nghề thủ công.

Bấy giờ chúng tôi mới lập một cái hội, gọi là "Nam Kỳ nông công thương tương tế hội", hội có chiêu cổ¹, mỗi cổ là 10 đồng, cái 10 đồng bạc mà cha tôi đã cho tôi lúc ra đi sẽ là phần đầu cổ đệ nhất. Khi hội đã thành lập, xin cha tôi và thầy tôi làm "sáng tạo hội viên", xin hai ông thuyền chủ làm "ân trợ hội viên".

Thái Kỳ Sinh và Khánh Long cũng xin vào làm "tán thành hội viên" mà tôi sẽ làm "Nam Kỳ nông công tương tế hội chủ"! Trước tôi còn phác họa thô sơ, sau tôi cứ tường tra tế sát², lập thành điều lệ, chép thành sách bản, gửi ra mà hỏi ý kiến của thầy tôi. Và xin thầy tôi bảo lãnh với cha tôi được về tỉnh khám³.

Chẳng bao lâu được thơ cha tôi trả lời, tôi mừng rỡ quá, tạm từ các quý hữu trong Nam Kỳ mà đáp tàu ra ngoài Bắc.

Tạp chí Nam Phong,
số 35, tháng 5-1920

1. Kêu gọi góp cổ phần.
2. Tra cứu kỹ càng tường tận.
3. Thăm hỏi.

Nguyễn bá Học

Một nhà bác học*

ở xứ Bắc Kỳ có tục hay chơi cờ bạc thịnh hơn là ở các xứ khác, nhất là thấy trong mấy tỉnh trung châu đã có nhiều người có danh về nghề cờ bạc. Không kể những nhà giàu sang sẵn tiền sẵn của, thì ăn thì chơi, cả mấy đứa vô lại du thủ du thực cũng hay quần tam tụ ngũ cả đêm cả ngày, mê man trong trường đen đỏ, cho đến phu xe, gánh dầu¹, kiếm được năm xu một hào, cũng tụ nhau lại đầu đường xó điểm mà cờ bạc cho hết. Hội hè đình đám nào cũng lấy có mở cờ bạc là vui vẻ hơn; thân bằng yển hội nào cũng có lấy cuộc cờ bạc là thú vị hơn. Bằng nhường trí thức của họ chỉ khai khiếu² về mặt cờ bạc và cách sinh nhai của họ cũng chỉ xu hướng về lối cờ bạc. Cờ bạc là tính mệnh của họ cho nên ngoài cờ bạc không còn có lấy gì làm sinh - nhân - chí - thú được nữa. Cái tú khí cờ bạc đã bàng bạc mát tích từ bao lâu trong núi Nùng sông Nhị, đã chung đúc nên một nhà "Bác học đại gia", cha truyền con nối cho đến ngày nay hãy còn thịnh lắm. Nguyên trước trong hạt huyện Mỗ, tỉnh Mỗ, có một làng nho nhỏ, người làng chỉ có một nghề làm ruộng, cũng chưa có khoa hoạn gì cả. Có tên Lão Ca họ là họ Kim, nghèo hèn đói khổ lắm, cả đời chỉ đi kiếm ăn bằng mấy con thò lò quay đất, hay đi keo-cúi³ trong đám cờ gian bạc lận.

* Nguyên chú: "Bác" có nghĩa rộng như "Bác sĩ", "Bác vật"; lại có nghĩa cờ bạc như "Đổ bác", "Bác dịch".

1. Gánh hàng rong.
2. Mở năng khiếu.
3. Như xoay xở.

Một hôm mùa đông mưa dầm gió bắc, Lão Ca không đi cờ bạc được, nằm mèo trong một xó nhà tranh, tình cảnh tiêu điều, muốn ngủ mà không ngủ đi được. Chợt thấy có một ông áo mảo tốt lành như ông Thành hoàng bản cảnh, gọi Lão Ca mà bảo rằng:

- Lão Ca, mày muốn phát tài không?

Lão Ca liền khấu đầu mà kêu rằng:

- Tấu lạy ngài, chúng con độ này túng đói lắm, xin ngài tiếp tài, tiếp lộc cho.

Thần nhân liền ghé tai Lão Ca mà dặn mấy lời, rồi lại nói rằng:

- Ấy là những câu bí quyết về nghề cờ bạc, mày mà nhớ được chẳng những là cả đời không đói, có khi nhờ đó mà làm nên phú quý nữa.

Nói rồi lấy ngón tay làm dấu vào trán Lão Ca, rồi phất tay áo mà đi ra. Lão Ca bừng mở mắt dậy thấy mình vẫn nằm trong cái ổ rạ, mấy lời thần mộng còn nhớ như in, ngật vì trong bụng không còn một đồng nào, hôm sau biết lấy gì mà đi dậy hóa¹. Nghĩ quanh nghĩ quẩn hồi lâu rồi Lão Ca đứng phắt dậy mà nói: "Được rồi, được rồi", nói rồi liền mở cửa ra mà đi.

Đêm còn khuya trời tối như mực, cả làng đang ngủ yên. Lão Ca lén ra ngõ đình, vào ngay miếu thành hoàng vội vàng quỳ xuống mà khẩn rằng:

- Đức đại vương đã báo mộng cho biết mấy câu bí quyết về nghề cờ bạc, xin Đức đại vương lại giúp cho một ít tiền

vốn. May mà Lão Ca phát tài, xin cúng tiến ngài một bộ áo châu khác rất tốt hảo. Khấn rồi, ngẩng mắt trông lên, như thấy tượng thần gật đầu luôn hai ba cái. Lão Ca mừng lắm, leo ngay lên lột lấy bộ áo châu của thần. Hôm sau đem vào Vạn bảo cầm lấy mấy lạng bạc, rồi vào ngay trong sòng Thống bảo.

1. Nguyên in: dạy hóa. Dạy hóa là đi đánh bạc.

Hôm ấy, con bạc đông lắm, kẻ ngồi vòng trong vòng ngoài, hai con mắt đều chòng chọc trông vào nhà cái. Lão Ca cứ dựa cột mà đứng, như người ngủ gật, mỗi lúc nghe thấy tiếng "Thừa" tiếng "Bán" thì sa xuống, mà xoay bát, người ta nắm lấy tay mà hỏi: "Tiền của chú ở đâu?". Lão Ca móc lưng ra mấy lạng bạc trắng xoá. Ai cũng kinh dị. Lão Ca trúng luôn mấy tiếng, bạc vỏ đầy lòng, giắt không xuể, các bạn đồng nghiệp phải mang hộ.

Từ bấy giờ Lão Ca đi cò bạc đâu được đấy, thanh giá khác hẳn ngày xưa, người ta tặng mỹ danh là "Bác học Lão Ca".

Mấy người đồng nghiệp kia cũng cứ bôn xu1 nịnh nọt mà nhờ đồng rơi đồng vãi. Lão Ca dương dương đắc ý, lấy mình là nên danh giá một thời; nào tậu ruộng, nào làm nhà, ở trong làng cũng có ngôi có thứ, ai còn dám khinh là phường keo phường láu nữa.

Lão Ca tuổi đã cao mà chưa có nội trợ, con nhà nghèo lão không thêm lấy, con nhà khá không ai chịu lấy lão. Sau lão lấy con gái một người đồng nghiệp. Được một năm, sinh được đứa con trai tên là Thiếu Ca, trán hói mắt him giống lão như bóc. Đến ngày đầy tuổi tôi, Lão Ca dọn tiệc ăn mừng, bày các thứ đồ chơi cho con trẻ, mà chiêm nghiệm cái sự nghiệp nó về sau. Thiếu Ca tay tả vớ lấy con thò lò, tay hữu nắm được cổ bài bát². Các khách đều vỗ tay mà mừng:

"Con hay kể nghiệp cha là nhà có phúc". Lão Ca cũng híp mắt mà cười và nói rằng:

- Sự nghiệp thằng cháu này, ngày sau có lẽ hơn tôi, song tôi đã già, cũng phải nhờ các bác đồng nghiệp chỉ giáo cho cháu.

Hơn một năm nữa, Thiếu Ca lên ba tuổi cũng phục phịch như cha nó. Lão Ca cứ để ngồi trong lòng mà truyền thụ cho mấy lỏi cờ bạc sơ đẳng. Năm lên sáu tuổi, Thiếu Ca đã có tính di truyền, lại được gia đình giáo dục, phàm các nghề cờ bạc như: tổ tôm, tam cúc, bài phu, đồ mười, bài tây, xóc đĩa, phán thán, vân vân. .. không một món nào là không có tâm đắc. Lão Ca thường bảo con rằng:

1. Bon chen.

2. Một loại bài, nếu quá số mười thì không ăn tiền (Ngũ tổng lục thì bắt).

- ở đời này chỉ đồng tiền là có thể lực hơn hết. Thế mà hết mọi cách kiếm tiền, còn có nghề gì mau hơn dễ hơn là nghề cờ bạc? Con hãy trông nhà phú quý có nhà nào mà không phải là cái ổ cờ bạc, có người nào mà không phải là người thích cờ bạc?

Bấy giờ bao nhiêu bí quyết về nghề cờ bạc cao đẳng Lão Ca truyền thụ cho con dần dần cho hết.

Năm Thiếu Ca lên mười tuổi, cho đón một thầy để ngồi bảo bọc. Lễ tẩy tã cũng hậu mà Thiếu Ca có tính ngạo ngược không chịu học, cả ngày chỉ rủ mấy đứa bạn học trò đi cờ bạc, đùa nào có đồ ăn đồ chơi gì. Thiếu Ca cũng ăn đồ cho hết.

Một hôm Lão Ca đi qua nhà học, nghe thấy thầy đồ giảng sách, đến câu: "Diệc hữu nhân nghĩa nhi dĩ hĩ, hà tất viết lợi"***. Ngày mai liền có lệnh trục thầy ngay. Người ta hỏi vì cớ gì mà trục thầy.

Lão Ca nói:

- Nguyên người ta vị lợi cho con đi học, nay thầy nói: "Hà tất viết lợi", có phải là làm hại con người ta không?

Nghe nói ai cũng bưng bụng mà cười.

Mấy năm sau, Lão Ca phải đau, biết mình không sống được, cầm lấy tay Thiếu Ca mà bảo:

- Hỡi con kè nghiệp thầy ơi! Thầy chết cũng không còn hối hận gì nữa, chỉ mong cho con kè được nghiệp nhà ấy là báo hiếu thầy con đấy.

1. Tẩy rửa đầu óc đều đổi mới.

2. Câu văn trong sách Mạnh Tử: lời Mạnh Tử khuyên vua Lương Huệ Vương chỉ nói nhân nghĩa mà thôi, không cần nói đến lợi.

Nói rồi mở cái tráp khảm lấy mấy cỗ bài dẫu và mấy đồng tiền mà giao cho con.

Thiếu Ca quý xuống mà chịu mấy lời di chúc.

Lão Ca chết rồi, Thiếu Ca đã lên mười bảy tuổi, đã tốt nghiệp về khoa cử bạc, sành tư cách cũng bằng tiến sĩ phó bảng về khoa văn chương.

Bấy giờ có quan tổng đốc ở bộ mới ra, nghe tiếng hạt dân hay đánh bạc, lúc mới hạ xa, ngài hạ lệnh cấm đồ1 và cho

bắt mấy tay gian đồ mà sửa phạt. Thiếu Ca phải giam trong trại may gặp mấy người ngục lại đều là người phụ chấp2,

đều ra sức chu toàn. Sau lại vận động với một viên tùy phái bảo lĩnh cho Thiếu Ca được ra.

Lúc Thiếu Ca được ra, viên tùy phái hỏi rằng:

- Chú có biết vì ý gì mà tôi lĩnh cho chú được tha không?

Thiếu Ca nói:

- Vì ngài thương tôi vô tội.

Người tùy phái nói:

- Không phải thế, là vì tôi thấy chú có tài, mà tôi cũng muốn tiến thân về đường ấy (cờ bạc). Chú phải biết rằng cái thói vụ lợi đó truyền nhiễm khắp trong các giới; họ chỉ hay kiêu uống quá trức³, hễ thả cho ít tiểu lợi thì họ lại mui múi⁴ mà theo mình ngay. Nay chú có tài mà tôi thì khéo nói, ta rủ nhau lên chơi Tràng An⁵ một chuyến, hễ đắc chí ta sẽ về, như thế là được cả danh và lợi.

Thiếu Ca nghe nói mừng lắm, cùng viên tùy phái kết bạn đi chơi Kinh đô; trước hãy đem hết các ngón chơi ra mà thao diễn và dùng những tiếng tao nhã mà đặt tên cho những câu bí quyết như "Đạt Ma độ giang", "Trương sinh khiêu tường", "Hồ điệp xuyên hoa", "Oanh ương hí thủy". Mới trông ai cũng phải mê hồn mờ mắt.

Chuyến tráng du ấy hai người đều được đắc ý cả. Viên tùy phái thì nhận được ngay mấy chuyến mĩ sai¹, mà Thiếu Ca cũng được có danh có phận. Từ bấy giờ thành ra một nhà Bác học, sau con cháu cũng có nhiều hiển hoạn nguy khoa², song sinh ra người nào cũng có tính hay cờ bạc.

Tạp chí Nam Phong
số 49, Tháng 7-1921.

1. Đồ: bạc
 2. Người bằng hàng cha mình.
 3. Giả cách uốn cong thành quá thẳng.
 4. Mui múi: có lẽ là mui mủi, là mủi lòng một cách dễ dàng.
 5. Kinh đô.
1. Những công vụ tốt đẹp.
 2. Đồ cao quan sang.

Nguyễn bá Học

truyện ông Lý Chấm

Ai đi Hà Nội, sao chẳng đến thăm một cái làng nhỏ kia, ở bên Hồ Tây, ngoảnh lưng ra đê sông Nhị, gọi là làng Nghi Tàm, mà hỏi chuyện ông Lý Chấm, hay ông Lý Râu, vì sinh thời ông có lăm râu, cho nên người làng quen gọi. Tên bộ1 ông là Nguyễn Hữu Khang. Ông đã có công đức thế nào, mà nay đã nên một đấng thần phúc ở làng ấy?

Làng Nghi Tàm là một làng cổ cựu ở hoàng thành Thăng Long là chỗ cổ để đô, thiếu gì là khoa hoạn, thiếu gì là anh hào, mà công cả, tiếng thơm nghìn thu hương hỏa , lại về một tay lý dịch, còn những kẻ quyền cao thế mạnh tưởng đã đổ rục một phương trời, nóng rẫy một khu đất, đến bây giờ cũng khói lạnh hương tàn, có khi tên họ cũng không còn ai nhắc đến nữa.

Thế mới biết chí thành ấy là thần thánh, thiên lý2 vốn ở lòng người; có hạnh phúc cho xã hội mới gọi là công danh, có danh tiếng để đời sau mới gọi là sự nghiệp. Và biết cái cảm tình của dân xứ ta hay trọng về đường báo đáp; thù ai một chút cũng mong trả, ân ai trăm năm cũng chưa quên. Cái cảm tình ấy lại là một cái nguyên chất để gây dựng nên dân tộc, cố kết lấy nhau, bênh vực lấy nhau, dù sóng lở núi mòn cũng không bao giờ biến đổi.

Câu chuyện này là chép sự thực. Những người đồng thời với kẻ quan hệ trong

câu chuyện này hãy còn đó, đủ làm chứng là sự thực; đây tôi kể được tường tận, là vì có người đã thuật lại cho tôi nghe.

1. Tên trong sổ. Bộ hay bạ là sổ sách.

2. Lễ trời.

Cứ theo trong điển lệ¹, mỗi năm đến kỳ tháng Chạp, tháng Giêng và tháng Hai làng Nghi Tàm phải có tiền chim sâm cầm mỗi kỳ là hai đôi. Xét sâm cầm mỏ sẻ, chân vịt, là một thứ chim ở nước. Người ta tương truyền rằng chim ấy hay ăn sâm ở Trung Quốc, hay uống nước ở Hồ Tây, thịt nó ăn bổ như sâm nên gọi là sâm cầm, mỗi năm đến mùa đông, ở Hồ Tây hay có, và việc tiền chim ấy mỗi năm đã làm phí tổn cho dân nhiều lắm.

Năm Tự Đức thứ 25, Lý Chấm đang làm lý trưởng. Tháng Mười một có một tờ tỉnh sức² cho làng đánh chim, bấy giờ làng họp tại đình mà bàn định: trừ sáu đôi chim chính tiến, còn phải lễ các quan, các thầy phần việc có 50 con mới đủ, giá rẻ cũng phải 100 quan tiền, vì năm nay hiếm chim, những nhà quen đánh giò lưới³ đều bắt bí mà bán cho thật đắt; tiền trình, tiền lệ⁴ các sở mỗi sở phải 50 quan; tiền phụ cấp cho lý trưởng phải 50 quan; cả thầy là 300 quan; cứ chiếu sổ hương âm⁵ mà bỏ rồi giao cho lý trưởng nhận biện.

Lý Chấm ra về, nói với người làng rằng:

- Sáu con chim tiến mà tổn phí cho dân đến ba trăm quan tiền, một tang tiết bao nhiêu là ngoại⁶, điển lệ đặt ra để tỏ ý tôn quân thân thượng⁷, chớ không phải sinh sự mà nhiễu dân. Chẳng qua, từ xưa tại mấy người kỳ dịch đã ngu lại tham, chỉ mong đục nước cho được béo cò, không nghĩ gì đến sự nặng nề về sau cho con cháu. Nay mình đã là người đàn anh trong một xã, cũng phải tính thế nào mà bảo hộ lấy con em; nếu thịt không còn thì lông bám vào đầu. Huống chi danh là thờ vua mà thực là hại dân, lại là một điều tội lỗi.

1. Những quy định do Nhà nước ban bố, được ghi vào sách vở.
2. Tờ thông tri của tỉnh.
3. Giò hay gio: dụng cụ đánh chim bằng sợi dây thông lọng gắn vào những thanh tre mảnh và nhỏ như cây cỏ may, chim giẫm chân vào sẽ bị thông lọng siết lại.
4. Tiền ra mắt và tiền lệ phí.
5. Sổ ghi chép việc ăn uống trong làng.
6. Một vụ hối lộ mà có bao nhiêu là đòi hỏi ngoại lệ.
7. Tôn vua, thân bề trên.

Có người nói:

- Thói tham nhũng bây giờ như thiên tai lưu hành, đã truyền nhiễm khắp cả mọi nơi, không đâu là tránh cho khỏi. Vả dân chịu khổ mãi cũng đã quen, như người đau đã thành tật.

Lập lệ thì dễ mà phá lệ thì khó; mình thương kẻ dưới, nào người trên có thương chi mình; nếu cứ giữ đường thẳng mà đi đã không xong việc cho làng, mà mình lại mang tiếng là điều là ngạnh.

Lại có người nói:

- Làm nghề gì kiếm ăn nghề ấy, xé mồm thì phải mút tay, của "bách gia chi sản"¹ là quyền lợi của đàn anh, thịt kẻ yếu để cho kẻ khỏe ăn, cũng là cái lệ công trong thiên diễn². Ông

ra làm việc không có lẽ lấy của nhà mà bù; miễn là không xâm phạm của dân thì thôi, lại còn giữ cả người ta sao được.

Nghe nói biết là những người yếu đuối hèn dại, không trách mà dân sự mỗi ngày một tồi tàn. Người đã không có lương tâm, không có thể nói chuyện công ích.

Ông Lý Chấn nghĩ đi

nghĩ lại trong làng, chỉ còn có ông Tổng Khải và ông Cựu Thuyền, là người có kiến thức, có can đảm, sau lại tìm đến mà bàn. Ông Lý Chấn nói:

- Hai ông xem tình cảnh làng ta mười nhà thì chín nhà đói, làm ăn đã khó nhọc,

đóng góp lại nặng nề, kẻ thì lưu lạc mà đi bốn phương, kẻ thì trộm cắp mà phải tù rạc. Như việc nộp chim năm nay, quan trên đã không có lòng điều tể³, lại dưới còn lăm nổi mè neho, nếu không lo mà gỡ cho ra, thì con cháu mình biết đến bao giờ cất đầu lên cho nổi. Tôi là Lý trưởng, nghĩa phải nhận lấy trách nhiệm, hai ông phỏng có mưu kế gì giúp tôi chăng?

1. Cửa trăm nhà.
2. Những cảnh biến đổi trong tự nhiên, xã hội.
3. Điều hoà các vị thuốc, chuyển nghĩa: điều hoà, điều phối.

Tổng Khải nói:

- Muốn tránh một sự thiệt hại cho kẻ này, ắt phải có điều bất lợi cho kẻ khác; lợi hại cứ tranh nhau, sẽ sinh ra nhiều điều biến cố. Cho nên làm việc, trước phải suy xét tình thế, tính nước trước sau, nếu theo máu nóng thì làm chẳng những là vô công, mà lại còn lăm điều nguy hiểm nữa. Trước hết xin hỏi ông: Nhân sao mà làng không gửi thẳng chim tiến, còn phải nộp chim cho tỉnh quan để phiên phí¹?
- Vì tỉnh quan mới có quyền phát trạm mà đệ công văn công hóa.
- Trong một tỉnh việc phát trạm thuộc về ai?
- Về quyền quan án sát.
- Vậy ông có biết quan án sát của tỉnh ta là người thế nào không?
- Nghe nói là người nghiêm nhặt, về việc văn án lại càng thâm hơn.
- Ấy đó là điều ta phải chú ý, vì quan đã dữ thì dân không dám gần, dân ngu thì lại dễ hống hách; nay dân đã ngu lại dữ, phép nào những tay gian nhũng lại không thừa thế mà độc² dân. Nay chỉ còn một cách này là cách để chế³, là giữ phép luật mà gan chịu đòn.

Ông Lý Chấm nói:

- Nếu việc có lợi cho làng ta và con cháu mình về sau, thì tính mệnh tôi cũng không từ, hưởng chi là đòn vọt. Nay tôi đã nghĩ một phương

pháp thật có thể lực, chỉ thiếu chưa có người làm. Phương pháp này có quyền thuật, có cơ quan, nghĩa là mình có chịu dẫn vào đám chông gai, thì mới cứu được người ta ra nước lửa. Hai ông có chịu lời giúp tôi, thì tôi sẽ nói.

1. Phiền nhiễu, phí tổn.
2. Hại.
3. Ché ngự, chống chế.

Hai ông kia nói:

- Hễ trượng phu thấy nghĩa thì làm, hưởng chi là việc cũng là việc lợi ích chung, chúng tôi có phải phùng tranh thịt tranh xôi đâu mà ông sợ. Phương pháp ông thế nào ông cứ nói.

Ông Lý Chấn nói:

- Đức Kim Thượng¹ thực là đứng thánh minh, xem những lời chỉ dụ khuyên bảo thần công², thì tấm lòng chu tuất³ lê dân thực như trời che đất chở. Nếu tình u uẩn của dân ta có thể

lọt đến tai trời, thì cái gánh nặng trăm năm có lẽ một ngày cất khỏi.

Nói rồi ghé tai hai ông mà nói: "Như thế... như thế...". Hai ông nghe nói cứ gật đầu tặc lưỡi rồi đưa nhau đến cửa đình mà phát thệ với nhau rằng: "Phải tay tham bạo, bác tước⁴ con

em; nếu để thân tàn, thần sao an sở; chúng tôi kỳ dịch, nghĩa phải giúp dân; đã quyết một lòng, thần minh chứng giám".

Ngày 25 tháng Mười một năm ấy lý dịch đem tiền chim lên tỉnh mà nộp. Trước hết làm đơn bẩm nạp vào trình quan tổng đốc. Tiền trình tiền lệ nộp đã đủ rồi, quan phê hai chữ:

Kiểm thụ. Phần việc khám chim rồi, cũng cho chữ: Thừa khám mao vũ tề bị, nghĩa là khám chim đủ lông đủ cánh. Rồi sang trình bên bổ⁵. Trình lệ cũng đủ như bên quan thượng⁶.

Quan phê rồi, phần việc lại cho chữ: Thừa khám cơ nhục tiên phi, nghĩa là khám chim đều được béo tốt. Hôm sau sang trình bên niết¹, là nơi sẽ nhận chim mà

phát đệ. Lý dịch vào phòng sở trình quan kinh lịch² trước. Quan kinh lịch bắt nộp tiền cho đủ, rồi mới cho lên hầu quan.

1. Đức vua đương kim.
2. Bề tôi.
3. Thương xót rộng khắp.
4. Bóc lột.
5. Bớ: bố chánh, thi hành chính sách.
6. Thượng: tổng đốc, quản đốc một hoặc hai tỉnh.

Lý Chấm ra khỏi phòng sở, đi thẳng lên công đường. Tổng Khải, Cựu Thuyền mang lồng chim đi theo sau. Linh sở hầu trông thấy vừa thét: "Lui ra" thì Lý Chấm đã đến trước mặt quan án; tay đưa tờ bẩm miệng nói:

- Chúng tôi là dân Nghi Tàm đem chim tiến vào nộp.

Bấy giờ ông Lý mặt càng đỏ, mắt càng tròn, bộ râu sẫm cứng, thẳng lên như cái chổi thép. Quan án thấy bộ đường đột, ngoảnh lại mà hỏi:

- Ai là phần việc? Dân Nghi Tàm nộp chim có đúng lệ không?

Nghe có người thưa:

- Tiền lệ chưa có và chim năm nay cũng xấu.

Quan án nổi cơn lôi đình lên mà quở rằng:

- Chim xấu tao chặt cổ bay đi. Lính đâu sao cho dân vào đó?

Lý Chấm liền đưa đơn bẩm cho Tổng Khải, đưa mắt cho lui ra. Mình cầm lấy lồng chim, mà giằng co với tên lính.

Bỗng thấy chim trong lồng vừa kêu vừa giãy, lông rụng ra rơi bời. Lý Chấm la lối mà kêu lên rằng:

- Chim của chúng tôi tốt, hiện có chữ quan làm bằng, vì không tiền ngoại lệ mà bẻ chân của chim chúng tôi; của tiến vua là của hệ trọng, tôi xin chết theo chim, ai đã làm sự khi

quân³ thì người ấy sẽ chịu tội.

- 1 . Niết: án sát, chức quan coi về án tụng.
2. Kinh lịch: chức quan thu phát công văn, giấy tờ.
3. Khinh vua.

Nói rồi gieo đầu xuống thêm đá, nằm vật xuống đất, máu người chan chứa lẫn máu chim. Quan lại đông mặt cung đường trông thấy đều tối tăm con mắt. Dưới trại lính còn đang hoảng hốt, nghĩ là giấc, cứ đánh trống ngũ liên. Quan Thượng, quan Bồ nghe tin cũng sang ngay hội đồng; trước sai điều hộ cấp cứu cho đứa bị thương, tạm

tổng giam trong khám, rồi sức bắt dân Nghi Tàm lên mà hỏi.

Sau có người mách: ấy là cái mưu Lý Chấm đập đầu gieo vạ, để cho bọn Tổng Khải chạy thẳng về bộ, đánh trống đăng văn¹ mà quỳ. Quan Thượng nghe nói, ngẫm nghĩ giờ lâu rồi

bảo quan Bồ rằng:

- Việc nhỏ này có lẽ thành ra việc lớn; vì đức Hoàng thượng vốn đã tin rằng quan lại hay ngược đãi lương dân. Nếu việc này không điều đình cho xong, để động đến tai vua, giao cho đình nghị, thì các quan đồng thành² thế nào cũng phải xử phân. Chi bằng ta cứ lấy sự thực mà tấu; hãy xin đình tiền chim kỳ này, còn cái án kết nghĩ ra làm sao, nhờ lượng trên tài quyết³.

Nói như thế liền làm như thế. Nhất diện⁴ tạm tha cho Lý Chấm ra ngoài mà phục dục, và cắt người đỡ bảo cứu cơm ăn thuốc uống, để các quan hội đồng mà chạy sớ cho. Nhất diện cho người rượt theo bọn Tổng Khải vừa đến Nghệ An thì gặp, có thủ thư⁵ quan Thượng nhận đem tường tình mà tập tấu⁶ cho dân, lý dịch cứ về ở làng mà chờ chỉ.

1. Trống kêu oan, đặt ở trước cửa Ngọ môn nơi cung điện ai có oan ức đến đây đánh lên để vua ra mà kêu.

2. Quan cùng hàng.
3. Phân xử.
4. Một mặt.
5. Thư tay.
6. Đem tình thật rõ ràng mà tấu thay cho dân.

Từ ngày tỉnh quan phát sớ về bộ, cả làng còn lo đêm lo ngày, chẳng những nguy cho tính mệnh mấy người đàn anh, còn sợ dân làng lại thêm tai hoạ nữa!

Đến tháng Hai năm sau là năm Tự Đức thứ 26 vừa có chỉ bộ ra, vâng lời châu điểm¹ rằng: "Trẫm thấy chim sâm cầm không ngon gì là mấy mà tỉnh thần sinh sự nhiều dân, tình thực

đáng tách. Nghĩ viên Niết thần tỉnh ấy giáng hai cấp, điều đi tỉnh khác, và từ nay về sau, chuẩn cho làng Nghi Tàm không phải tiến sâm cầm nữa. Khâm thử²!".

Khi lục chỉ về đến làng, nào già, nào trẻ, nào gái, nào trai, đều mừng rỡ reo hò; thiết hương án ra tại đình mà lạy tạ ơn vua, rồi thiên nhân tán vạn nhân y³, kéo nhau lên tỉnh mà tạ

quan và rước lấy ông Lý Chấm về làng mà mừng rỡ. Bấy giờ kẻ chào người chuyện, kẻ vái người hôn, kẻ nắm áo người ôm đầu, cũng có kẻ vừa cười vừa lau nước mắt. Ông Lý Chấm

ứng tiếp không xuể, tưởng hôm nào gieo đầu thêm đá hãy mơ hồ như giấc chiêm bao.

Về vang thay! Ông Lý Chấm! Hào kiệt thay! Ông Lý Chấm! ý khí mạnh hơn oai quyền, mưu cao đã nên công lớn, hương khói để nghìn thu, thơm tho trong một xứ, thế mới đáng

sống ở làng, thế mới gọi sang ở nước. Nào những kẻ ăn lận⁴ con em, ý quyền cha chú, lại hay cồng rắn cắn gà, lại hay bới bèo ra bộ, thế cũng gọi là hào, thế cũng gọi là mục, sao

chẳng đến Nghi Tàm mà hỏi thăm ông Lý Chấm?

Tạp chí Nam Phong,
số 13, tháng 7-1918.

1. Lời vua ghi thêm vào.
 2. Hai tiếng "khâm thử" thường đặt cuối các đoạn chiếu văn của vua, ý nói: kính vâng theo đây.
 3. Nghìn người tán vạ người theo.
 4. Ăn gian.
-

Nguồn: Hùng
Được bạn: Thành Viên VNthuquan đưa lên
vào ngày: 27 tháng 12 năm 2003